

Số: 29 /2022/CV- SBSI

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN  
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

**Kính gửi:**

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

- Tên tổ chức: Công ty cổ phần chứng khoán Stanley Brothers (SBSI)
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 9, tòa nhà TNR, số 54A, Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (+84) 24 3377 6699 - Fax: (+84) 24 3373 6699
- Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Quang Anh  
Chức vụ: Tổng giám đốc – Đại diện pháp luật
- Loại thông tin công bố:

24 giờ  72 giờ  Bất thường  Theo yêu cầu  Định kỳ

**Nội dung thông tin cần công bố:**

Công ty cổ phần chứng khoán Stanley Brothers xin công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2021.

Thông tin này chi tiết đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 27 tháng 01 năm 2022 tại đường dẫn: <http://sbsi.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Digitally signed by CÔNG TY CỔ  
PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY  
BROTHERS  
DN: c=VN, st=HÀ NỘI, l=Đống Đa,  
cn=CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG  
KHOÁN STANLEY BROTHERS,  
0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0  
305453780  
Date: 2022.01.27 18:22:32 +07'00'



NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN

Nguyễn Quang Anh



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

---

NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN  
STANLEY BROTHERS



Tầng 9, tòa nhà TNR, 54A Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội  
(84) 2433776699 | <https://sbsi.vn/>

# MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG .....	4
1. Thông tin khái quát.....	4
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh: .....	5
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	6
4. Định hướng phát triển.....	24
5. Các rủi ro .....	24
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.....	26
2. Tổ chức và nhân sự.....	31
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	35
4. Tình hình tài chính.....	36
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	37
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty .....	38
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC.....	39
1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh .....	39
2. Tình hình tài chính.....	40
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	45
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai .....	45
5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty .....	49
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY .....	49
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty .....	49
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty .....	49
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị .....	50
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	50
1. Hội đồng quản trị.....	50
2. Ban Kiểm soát .....	54
VI. Báo cáo tài chính.....	59
1. Ý kiến kiểm toán .....	59
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán .....	59

## DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Cơ cấu Doanh thu của Công ty các năm.....	26
Bảng 2: Cơ cấu chi phí của Công ty các năm .....	28
Bảng 3: Cơ cấu lợi nhuận gộp.....	29
Bảng 4: Tình hình thực hiện so với kế hoạch .....	30
Bảng 5: Tình hình tài chính.....	36
Bảng 6: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	36
Bảng 7: Cơ cấu cổ đông .....	37
Bảng 8: Một số chỉ tiêu về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty .....	39
Bảng 9: Tình hình tài sản .....	41
Bảng 10: Các tài sản tài chính của Công ty .....	41
Bảng 11: Tình hình các khoản nợ phải trả của Công ty .....	44
Bảng 12: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức .....	45
Bảng 13: Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan năm 2021 .....	58
Bảng 14: Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ.....	58

## DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 1: Cơ cấu bộ máy quản lý.....	11
------------------------------------	----

## I. THÔNG TIN CHUNG

### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers
- Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 83/UBCK-GP ngày 16/01/2008 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và các Giấy phép điều chỉnh
- Vốn điều lệ: 339.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 339.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Tầng 9 Tòa nhà TNR, số 54A, Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội
- Số điện thoại: (84) 24 3377 6699
- Số fax: (84) 24 3373 6699
- Website: <https://sbsi.vn/>
- Quá trình hình thành và phát triển:

- **Năm 2008:** Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu, được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 83/UBCK-GP do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16/01/2008.

Trụ sở chính đặt tại tầng 5 và 6 tòa nhà 1015 Trần Hưng Đạo, Phường 5, Quận 5, Tp Hồ Chí Minh; vốn điều lệ: 35.000.000.000 đồng. Công ty được thực hiện các loại hình kinh doanh gồm: Môi giới chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán

- **Năm 2017:**

Ngày 29/03/2017, Công ty Cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu thay đổi địa chỉ trụ sở chính. Trụ sở mới đặt tại Tầng 15 – tòa nhà Diamond Flower, số 1 đường Hoàng Đạo Thúy (Lô C1 khu đô thị mới Trung Hòa Nhân Chính), phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội; vốn điều lệ Công ty không thay đổi (35 tỷ đồng); theo Giấy phép điều chỉnh số 11/GPĐC-UBCK ngày 29/03/2017.

Ngày 19/07/2017, Công ty Cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu thay đổi thông tin địa chỉ trụ sở chính. Địa điểm đặt trụ sở chính của Công ty: Tầng 15 – tòa nhà Diamond Flower, số 48 đường Lê Văn Lương, khu đô thị mới N2, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội; vốn điều lệ Công ty không thay đổi (35 tỷ đồng); theo Giấy phép điều chỉnh số 29/GPĐC-UBCK ngày 19/07/2017.

- **Năm 2018:** Tháng 12/2018 Công ty hoàn thành đợt Chào bán cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ, vốn điều lệ Công ty được tăng lên từ 35 tỷ đồng lên 339 tỷ đồng theo Giấy phép điều chỉnh số 08/GPĐC-UBCK ngày 31/01/2019 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

- **Năm 2019:** Ngày 31/01/2019, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers theo Giấy phép điều chỉnh số 08/GPĐC-UBCK ngày 31/01/2019 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Theo đó:

Tên Công ty sau khi thay đổi: Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers

Trụ sở chính: Tầng 9 Tòa nhà TNR, số 54A, Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

Vốn điều lệ: 339.000.000.000 đồng

Bổ sung nghiệp vụ kinh doanh: tự doanh chứng khoán

- **Năm 2020:** Ngày 09/09/2020 Công ty bổ sung nghiệp vụ kinh doanh Bảo lãnh phát hành chứng khoán, vốn điều lệ Công ty giữ nguyên (339 tỷ đồng) theo Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 58/GPĐC-UBCK ngày 09/09/2020.

- **Năm 2021:** Ngày 31/12/2021, Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) xác nhận đăng ký Công ty đại chúng theo Công văn số 9150/UBCK-QLKD của UBCKNN ngày 31/12/2021.

- **Năm 2022:**

Ngày 06/01/2022, Công ty được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Chứng khoán số 01/2022/GCNCP-VSD với tổng số lượng cổ phiếu đăng ký là 33.900.000 cổ phiếu.

Ngày 18/01/2022, Công ty được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu (Upcom) theo quyết định số 31/QĐ-SGDHN với mã chứng khoán VUA, số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: 33.900.000 cổ phiếu.

Ngày 18/01/2022, Công ty được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận ngày giao dịch đầu tiên cổ phiếu đăng ký giao dịch theo Thông báo số 114/TB-SGDHN, theo đó ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu VUA tại Upcom là 25/01/2022.

## **2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

a) Ngành nghề kinh doanh:

- Môi giới chứng khoán;

- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Dịch vụ giao dịch ký quỹ chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán và các dịch vụ tài chính khác.

Trong đó hoạt động môi giới chứng khoán chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu 02 năm gần nhất của công ty.

#### b) Địa bàn kinh doanh

Công ty có 01 trụ sở chính tại Hà Nội, trong 02 năm gần nhất doanh thu của công ty đến từ thị trường trong nước.

### **3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

#### **3.1 Mô hình quản trị**

Mô hình quản trị của Công ty bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát.

**Đại hội đồng cổ đông:** là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty và có quyền quyết định thông qua những vấn đề sau:

- Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- Quyết định loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Quyết định mức chi trả cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng hoặc giao dịch với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
- Thông qua phát hành trái phiếu chuyển đổi;
- Quyết định việc tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán theo quy định tại Điều lệ này;
- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;

- Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;
- Quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty;
- Các quyền và nhiệm vụ khác phù hợp với pháp luật hiện hành.

**Hội đồng quản trị:** là cơ quan quản lý của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty.

Giúp việc cho Hội đồng quản trị gồm có các bộ phận: Văn phòng Hội đồng quản trị, Kiểm toán nội bộ và Quản trị rủi ro, Trợ lý và quản trị.

Hội đồng quản trị có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- Quyết định mua lại không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã phát hành của từng loại trong mỗi mười hai (12) tháng; quyết định phương án chào bán, chia thưởng cổ phiếu quỹ theo những cách thức phù hợp với quy định của pháp luật;
- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ công ty;
- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch theo quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 135, khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý quan trọng khác do Hội đồng quản trị quy định trong từng thời kỳ, quyết định mức lương và lợi ích khác của các cán bộ quản lý đó; cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù



lao và lợi ích khác của những người đại diện theo ủy quyền;

- Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý của Công ty trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế tài chính, quy chế lương và một số quy chế nội bộ quan trọng khác do Hội đồng quản trị quy định trong từng thời kỳ, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và góp vốn, mua cổ phần doanh nghiệp khác trong giới hạn quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông;
- Kiến nghị mức trả cổ tức, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;
- Thiết lập một quy trình chuẩn về triệu tập họp, bỏ phiếu và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị để Đại hội đồng cổ đông thông qua; trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị; xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý và quy trình thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc; xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác;
- Thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện kiểm toán nội bộ và kiểm soát rủi ro;
- Giải quyết xung đột trong Công ty: Thực hiện ngăn ngừa và giải quyết những xung đột có thể phát sinh giữa các cổ đông và Công ty. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm cán bộ để triển khai các hệ thống cần thiết hoặc thành lập bộ phận chuyên trách để giải quyết xung đột trong Công ty hoặc phục vụ cho mục đích này;
- Các nhiệm vụ và quyền hạn khác phù hợp với pháp luật hiện hành.

**Ban kiểm soát:** gồm 3 thành viên, Ban kiểm soát có nhiệm vụ:

- Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật, Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các nhiệm vụ của mình;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

- Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị; trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh hàng năm và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
- Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại tiết (iii) điểm a khoản 1 Điều 15 của Điều lệ này;
- Khi có yêu cầu kiểm tra của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 17 của Điều lệ này, Ban Kiểm soát phải thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải có báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị và không gây gián đoạn hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Khi có yêu cầu khởi kiện của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 17, Ban Kiểm soát phải trả lời bằng văn bản xác nhận đã nhận được yêu cầu khởi kiện và tiến hành các thủ tục khởi kiện theo yêu cầu của cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu khởi kiện.
- Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các giải pháp sửa đổi, bổ sung, cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành công việc kinh doanh của Công ty;
- Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Tổng Giám đốc vi phạm pháp luật, Điều lệ công ty dẫn đến xâm phạm quyền và lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc khách hàng, xâm phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị và yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm, đồng thời có giải pháp nhằm khắc phục hậu quả. Nếu vi phạm đó nghiêm trọng hoặc thành viên vi phạm không chịu thực hiện chấm dứt, điều chỉnh hành vi vi phạm đúng thời hạn theo yêu cầu, Ban kiểm soát phải đề nghị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để đề xuất biện pháp giải quyết tiếp theo;
- Đối với trường hợp thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban Tổng Giám đốc của Công ty vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật, Ban Kiểm soát phải trực tiếp báo cáo lên UBCK bằng văn bản trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày phát hiện vi phạm;
- Trường hợp kiểm soát viên biết rằng các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban

Tổng Giám đốc vi phạm quy định của pháp luật, nguyên tắc quản trị và Điều lệ công ty, vì thế xâm phạm đến quyền và lợi ích của Công ty nhưng không thực hiện thông báo, thực hiện trách nhiệm của mình theo quy định thì kiểm soát viên đó phải chịu trách nhiệm về những vấn đề có liên quan đến nhiệm vụ của mình;

- Các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- Nhiệm vụ khác phù hợp với pháp luật hiện hành.

### **Ban Tổng Giám đốc:**

Thành viên Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị thuê hoặc bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của các thành viên Ban Tổng Giám đốc khác là 05 năm.

Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Tổng Giám đốc có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

- Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;
- Tổ chức thực hiện quyết định của Hội đồng quản trị; Đại hội đồng cổ đông;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị thông qua;
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức. Ban hành các quy chế quản lý nội bộ Công ty (bao gồm các quy chế, quy định, quy trình...) trừ những quy chế nội bộ thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
- Ký kết hợp đồng nhân danh Công ty, trừ trường hợp các hợp đồng thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Hội đồng quản trị;
- Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến

hợp đồng lao động của họ;

- Các quyền và nhiệm vụ khác được quy định tại hợp đồng lao động mà Tổng Giám đốc ký với Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị;
- Các quyền và nhiệm vụ khác phù hợp với pháp luật hiện hành.

### 3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý

Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty như sau:

Hình 1: Cơ cấu bộ máy quản lý



(Nguồn: Công ty cổ phần chứng khoán Stanley Brothers)

Bộ máy quản lý được phân chia thành các phòng ban riêng biệt, đứng đầu các phòng là Trưởng phòng. Trưởng phòng thực hiện các công việc theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình, đồng thời báo cáo Tổng Giám đốc theo quy định Công ty.

### 3.2.1 Phòng hành chính nhân sự

Phòng hành chính nhân sự có nhiệm vụ sau:

- Đề xuất các phương án xây dựng, củng cố và kiện toàn bộ máy của Công ty: Cơ cấu tổ chức, biên chế nhân sự; việc thành lập, giải thể, sáp nhập, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc;
- Xây dựng và trình Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt hệ thống các chức danh, vị trí công việc và hệ thống bản mô tả vị trí công việc trong toàn Công ty;
- Hướng dẫn, tổ chức thực hiện, thống kê, kiểm soát và đánh giá các quá trình tuyển dụng; đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, bố trí, đánh giá, phân loại, khen thưởng, kỷ luật lao động trong toàn Công ty;
- Xây dựng, tổ chức thực hiện và kiểm soát việc thực hiện các chế độ, chính sách (tiền lương; BHXH; BHYT; chấm dứt, chuyển công tác, phép năm....) đối với người lao động theo quy định của pháp luật và của Công ty;
- Tổ chức thực hiện và kiểm soát hoạt động mua sắm, bảo trì, bảo dưỡng, phân bổ, điều động, sửa chữa, kiểm kê, thanh lý tài sản cố định và công cụ dụng cụ sản xuất trong toàn Công ty;
- Quản lý y tế phục vụ nhu cầu sơ cấp cứu, điều trị thông thường tại cơ sở; vệ sinh môi trường, phòng dịch; bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn cho cán bộ công nhân viên;
- Phối hợp với các đơn vị tổ chức và kiểm soát hoạt động an toàn lao động, vệ sinh lao động đối với người lao động đang làm việc tại Công ty và đang thi công thực hiện dự án;
- Tham gia với các Phòng xây dựng định mức nội bộ, định mức kinh tế kỹ thuật của Công ty; tham gia vào quá trình hoạch định, cung cấp nguồn nhân lực, kiểm soát nguồn lực để tham gia thực hiện các dự án theo kế hoạch chung của toàn Công ty; tham gia vào việc cung cấp các thông tin phục vụ cho công tác đầu thầu;
- Hàng năm tham gia xây dựng mục tiêu chất lượng của Công ty và tổ chức thực hiện, kiểm soát, đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu chất lượng trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Phòng theo sự phân công của Tổng Giám đốc Công ty;
- Chủ trì soạn thảo và trình Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt các văn bản và tài liệu quản lý nội bộ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao;
- Phối hợp với các đơn vị thẩm tra, xem xét, đề xuất biện pháp giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo có liên quan đến người lao động của Công ty.

### 3.2.2 Phòng Công nghệ thông tin

*Chức năng:*

- Tham mưu cho Ban lãnh đạo về công tác quản lý và phát triển ứng dụng Công nghệ thông tin trong mọi lĩnh vực hoạt động của đơn vị.
- Xây dựng định hướng, chiến lược và phát triển Công nghệ thông tin để ứng dụng cho toàn bộ hoạt động của đơn vị trong từng giai đoạn phát triển.
- Hỗ trợ các phòng ban khác các vấn đề về kỹ thuật chuyên môn.
- Tổ chức triển khai các hoạt động chuyên trách công nghệ thông tin của đơn vị. Thực hiện công tác quản lý, vận hành hệ thống Công nghệ thông tin của đơn vị đảm bảo tính liên tục và bảo mật .

*Nhiệm vụ:*

- Nghiên cứu, đề xuất và triển khai xây dựng hệ thống, duy trì, quản trị, tối ưu hóa hệ thống máy chủ, hệ thống lưu trữ, tổng đài, camera, giám sát vào ra, mạng, phần mềm hệ thống v.v..)
- Chịu trách nhiệm về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động an ninh mạng – truyền thông, mạng Công nghệ thông tin của Công ty. Kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định, cấp quyền sử dụng, quy trình kỹ thuật các chương trình của hệ thống Core banking, an ninh mạng - truyền thông.
- Chịu trách nhiệm về tất cả các hoạt động liên quan đến quản trị cơ sở dữ liệu, quản trị hệ thống Core-Giao dịch chứng khoán và các ứng dụng về công nghệ thông tin của Công ty, đảm bảo sự vận hành liên tục và hiệu quả của toàn bộ hệ thống công nghệ thông tin.
- Thực hiện việc đánh giá, phân tích định kỳ về hiệu quả các hệ thống phần cứng, phần mềm; đề xuất các giải pháp để cải tiến, tối ưu hoá hiệu quả hoạt động của hệ thống công nghệ thông tin.
- Nghiên cứu, thử nghiệm, triển khai các dự án, áp dụng công nghệ vào khai thác sản phẩm dịch vụ của Công ty và chuyển giao sản phẩm dịch vụ đã hoàn thiện cho khách hàng theo chỉ đạo của Ban điều hành.
- Tiếp nhận yêu cầu và xử lý các sự cố trong quá trình sử dụng phần mềm, vận hành máy tính, hệ thống phần cứng. Thống kê, tổng hợp các loại rủi ro, các trường hợp lỗi trong hệ thống công nghệ thông tin; đề xuất hướng phòng ngừa, xử lý và khắc phục.
- Xây dựng các quy trình, quy chế, quy định, quản lý thiết bị, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực của Phòng; đánh giá hiệu quả các quy trình, quy định này trong thực tế để liên tục cải tiến, giúp nâng cao hoạt động của Công ty.
- Xây dựng tài liệu sử dụng, đào tạo hướng dẫn sử dụng các phần mềm ứng dụng cho cán bộ, nhân viên trong Công ty.

- Thực hiện xây dựng chiến lược, kế hoạch ngân sách hàng năm, kế hoạch công việc của Phòng từng tháng để trình Tổng giám đốc phê duyệt. Đề xuất mua sắm, quản lý các tài sản về công nghệ thông tin của toàn Công ty
- Tổ chức bộ máy nhân sự, phân công công việc trong Phòng để hoàn thành kế hoạch ngân sách năm, kế hoạch công việc của phòng/ban đã được phê duyệt từng thời kỳ.
- Thực hiện các báo cáo nội bộ theo Quy định của Công ty và các báo cáo khác theo yêu cầu của Ban điều hành.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Ban điều hành phân công.

### **3.2.3 Phòng Nghiệp vụ**

Phòng Nghiệp vụ gồm các bộ phận sau: Bộ phận Dịch vụ Khách hàng, Bộ phận Lưu ký, Bộ phận Dịch vụ Tài chính, Bộ phận Sản phẩm cấu trúc

#### **a) Bộ phận Dịch vụ Khách hàng**

*Chức năng:*

- Cung cấp và tư vấn sản phẩm/dịch vụ theo đúng nhu cầu/đối tượng khách hàng.
- Thực hiện nhận lệnh và đặt lệnh giao dịch qua các phương thức đặt lệnh theo đúng quy định của Công ty.
- Thực hiện đối chiếu kết quả giao dịch của Công ty và xử lý các phát sinh giao dịch.
- Thực hiện vận hành hệ thống, đảm bảo tính hợp lệ trong giao dịch trong ngày của khách hàng.
- Giám sát tuân thủ và vận hành các quy trình dịch vụ khách hàng

*Nhiệm vụ:*

- Chăm sóc, hỗ trợ và phục vụ các yêu cầu của khách hàng theo đúng quy trình nội bộ đã ban hành.
- Đảm bảo tài khoản giao dịch chứng khoán của khách hàng được áp dụng đúng chính sách Công ty đã ban hành.
- Đảm bảo tính chính xác và hợp lý về thông tin và các phát sinh trên tài khoản giao dịch chứng khoán của khách hàng.
- Đảm bảo nhận và nhập lệnh chính xác cho khách hàng.
- Hoàn thiện và phát triển hệ thống phần mềm giao dịch.
- Kiểm soát giao dịch toàn công ty và xử lý các phát sinh giao dịch (nếu có).
- Hoàn thành báo cáo theo yêu cầu của Ban lãnh đạo.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Tổng giám đốc.

### **b) Bộ phận Lưu ký**

#### *Chức năng:*

- Nhận gửi, rút, chuyển khoản, phong tỏa chứng khoán, thanh toán mua bán chứng khoán trên tài khoản của khách hàng và tài khoản tự doanh của Công ty.
- Tái lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam
- Thực hiện quyền của người sở hữu chứng khoán.
- Quản lý việc cầm cố, thế chấp chứng khoán của khách hàng.
- Thanh toán bù trừ chứng khoán với chi nhánh và Trung tâm lưu ký chứng khoán
- Thực hiện các hợp đồng lưu ký với khách hàng về cổ phiếu chưa niêm yết/giao dịch trên sàn, các chứng chỉ chứng khoán ghi sổ và chứng chỉ chứng khoán vật chất.
- Thực hiện nghiệp vụ liên quan trong các hợp đồng bán đấu giá, hợp đồng đại lý phát hành và các hợp đồng có liên quan khác.
- Xây dựng và phát triển các sản phẩm dịch vụ liên quan và hệ thống giao dịch liên quan.
- Vận hành các sản phẩm và cơ chế (cài đặt chính sách sản phẩm, chính sách khách hàng, kiểm soát giao dịch...)
- Kiểm soát chứng từ giao dịch của khách hàng, thực hiện việc chấm các giao dịch trong ngày so với chứng từ gốc của các bộ phận liên quan
- Tiếp nhận, lưu trữ các chứng từ trên hệ thống và lưu trữ chứng từ gốc.
- Xây dựng các quy trình nghiệp vụ liên quan

#### *Nhiệm vụ:*

- Đảm bảo chính xác, kịp thời, an toàn trong các giao dịch phát hành, chuyển nhượng, bù trừ, thanh toán chứng khoán, đảm bảo an toàn về tài sản và quyền lợi của khách hàng.
- Tuân thủ quy định pháp luật và quy trình, quy định nội bộ của Công ty về việc chuyển quyền sở hữu chứng khoán cho khách hàng sử dụng dịch vụ quản lý sổ cổ đông đối với chứng khoán niêm yết và các nghiệp vụ khác của phòng.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng giám đốc giao.

### **c) Bộ phận Dịch vụ tài chính**

#### *Chức năng:*

- Quản lý, cài đặt thông tin loại hình tín dụng của Công ty.
- Cung cấp đầy đủ thông tin của sản phẩm tín dụng tới các phòng ban liên quan .
- Theo dõi hạn mức tín dụng của Công ty



- Quản lý danh mục chứng khoán cho vay ký quỹ của Công ty.
- Quản lý thông tin dư nợ của khách hàng.
- Phối hợp với phòng Tài chính kế toán đảm bảo sử dụng nguồn vốn hiệu quả.
- Thực hiện quản lý và vận hành nghiệp vụ tín dụng đảm bảo tính chính xác về mặt số liệu và hợp lệ trong giao dịch.
- Xây dựng quy trình liên quan đến nghiệp vụ.

*Nhiệm vụ:*

- Cài đặt, thêm mới, cập nhật các loại hình tín dụng theo sản phẩm đã được phê duyệt.
- Cập nhật, điều chỉnh hạn mức của Công ty.
- Thực hiện cấp và giải tỏa bảo lãnh khi có yêu cầu.
- Cập nhật, thay đổi danh mục chứng khoán cho vay của Công ty định kỳ hàng tháng hoặc theo tờ trình bất thường đã được phê duyệt.
- Thực hiện xử lý tín dụng cuối ngày.
- Đảm bảo cung cấp số liệu phát vay, thu hồi chính xác tới các phòng ban.
- Lưu trữ dữ liệu phục vụ công việc quản lý nghiệp vụ tín dụng.
- Lưu trữ, kiểm soát các báo cáo, công văn, tờ trình liên quan tới bộ phận Dịch vụ tài chính.
- Đề xuất các phương án, yêu cầu hoàn thiện hệ thống phục vụ vận hành nghiệp vụ tín dụng.
- Hỗ trợ các phòng ban khác theo chỉ đạo của Ban lãnh đạo
- Hoàn thành các báo cáo theo yêu cầu của Ban lãnh đạo.

***d) Bộ phận sản phẩm cấu trúc***

Bộ phận sản phẩm cấu trúc có nhiệm vụ chính sau:

- Lập hợp đồng trái phiếu khi có thông tin khách hàng từ bộ phận tư vấn đầu tư và giấy báo có từ bộ phận tài chính kế toán.
- Theo dõi hợp đồng trái phiếu của khách hàng, lưu hồ sơ giấy tờ, hợp đồng trái phiếu.
- Làm báo cáo gửi cơ quan ban ngành theo định kỳ.
- Xây dựng và hoàn thiện các quy trình, quy chế, quy định nội bộ của bộ phận sản phẩm cấu trúc.
- Hoàn thành các báo cáo theo yêu cầu của Ban lãnh đạo.

**3.2.4 Phòng Kiểm soát nội bộ - tuân thủ**

### **a) Bộ phận Kiểm soát nội bộ**

#### *Chức năng:*

- Bộ phận Kiểm soát nội bộ có chức năng tham mưu, giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc về các vấn đề liên quan đến kiểm soát tuân thủ và quản trị rủi ro nhằm đảm bảo tính hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ Công ty.
- Giúp Tổng Giám đốc đánh giá mức độ thích hợp, tuân thủ quy định pháp luật của các quy định nội bộ.
- Đảm bảo hệ thống kiểm soát rủi ro, kiểm soát tuân thủ được thiết lập và vận hành phù hợp với mục tiêu và định hướng phát triển của Công ty.
- Nhận diện và ngăn ngừa các rủi ro có thể ảnh hưởng tới lợi ích hoặc việc hoàn thành các mục tiêu kinh doanh của công ty.
- Hỗ trợ các phòng ban trong công ty xây dựng, rà soát quy trình, qui định nội bộ, xử lý vướng mắc về tuân thủ và quản trị rủi ro.
- Đảm bảo tính chính xác, hợp lý của các báo cáo tài chính, báo cáo quản trị được kiểm soát và đánh giá đầy đủ; các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phê duyệt đúng thẩm quyền và được ghi chép đầy đủ và phản ánh trung thực.
- Xây dựng và khuyến khích văn hóa tuân thủ, nhận thức rủi ro tại công ty. Thiết lập cơ chế nhận diện, phòng ngừa, ngăn chặn, giảm thiểu và báo cáo rủi ro, tổn thất tại công ty.
- Tham mưu về mặt pháp lý cho Ban Tổng Giám đốc trong hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Phụ trách công tác công bố thông tin và đầu mối gửi các báo cáo cho các cơ quan quản lý theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
- Thực hiện công tác Thư ký Hội đồng quản trị

#### *Nhiệm vụ:*

- Tham mưu cho Ban lãnh đạo và thực hiện triển khai thiết lập và duy trì hoạt động tuân thủ kiểm soát nội bộ hiệu quả, phù hợp với các quy định của Pháp luật, thông lệ quốc tế và quy định nội bộ, bao gồm:
  - Nghiên cứu, xây dựng và ban hành các chính sách, quy định về kiểm soát nội bộ nhằm đảm bảo
  - bảo các hoạt động kinh doanh, vận hành tại các bộ phận trong công ty đều có chốt chặn kiểm soát.
  - Xây dựng hệ thống chính sách, khung quản trị rủi ro nhằm đảm bảo ngăn ngừa các

rủi ro có thể ảnh hưởng tới lợi ích của công ty và khách hàng của công ty.

- Xây dựng kế hoạch triển khai kiểm soát nội bộ, đánh giá công tác quản trị rủi ro (định kì, chuyên đề, đột xuất) và đề xuất lên Tổng Giám đốc phê duyệt.
- Giám sát thực thi các quy định nội bộ. Đánh giá kết quả thực hiện sau kiểm tra, kiểm soát; Báo cáo, kiến nghị và đề xuất Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc biện pháp xử lý, khắc phục các vấn đề không phù hợp và theo dõi, đôn đốc việc thực hiện.
- Bảo đảm sự phối hợp toàn diện giữa các phòng ban, bộ phận trong Công ty, với Cơ quan thanh tra, giám sát:
- Điều phối công tác làm việc với các Đoàn Thanh tra, Kiểm tra thực hiện thanh kiểm tra Công ty;
- Phối hợp với các phòng ban nội bộ để cung cấp tài liệu hoặc giải trình các vấn đề do Đoàn Thanh tra, Kiểm tra yêu cầu.
- Củng cố và tăng cường văn hóa tuân thủ, văn hóa nhận diện và phòng ngừa rủi ro tại công ty:
- Xây dựng các quy trình, hướng dẫn, sổ tay nghiệp vụ; thực hiện đào tạo nghiệp vụ, kỹ năng cho cán bộ nhân viên.
- Thực hiện truyền thông và đào tạo văn hóa tuân thủ; ý thức nhận diện và ngăn ngừa rủi ro qua các kênh trực tiếp/ gián tiếp.

#### ***b) Bộ phận Quản trị rủi ro***

Bộ phận Quản trị rủi ro có nhiệm vụ sau:

- Đề xuất các chính sách quản trị rủi ro cho Tổng Giám đốc.
- Xây dựng các quy định, quy trình cụ thể nhằm kiểm soát các rủi ro liên quan đến hoạt động cho vay của công ty.
- Rà soát, điều chỉnh các mô hình định giá và hệ thống đánh giá các công cụ tài chính được sử dụng bởi các bộ phận nghiệp vụ kinh doanh.
- Đề xuất hạn mức rủi ro cho các bộ phận nghiệp vụ.
- Theo dõi, đánh giá và đo lường các rủi ro để đảm bảo việc thực hiện trên thực tế các chính sách quản trị rủi ro, hạn mức rủi ro, quy trình xử lý rủi ro mà Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt.
- Lập báo cáo định kỳ hàng tháng về quản trị rủi ro thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ để báo cáo Tổng Giám đốc.
- Thực hiện theo dõi, đánh giá hàng ngày trạng thái rủi ro của công ty chứng khoán.

### ***c) Bộ phận pháp chế***

Bộ phận pháp chế có nhiệm vụ sau:

- Thực hiện tư vấn về mặt pháp lý cho Ban Tổng Giám đốc trong việc soạn thảo, ký kết các văn bản và giải quyết các vụ việc liên quan đến hoạt động của Công ty.
- Tư vấn cho Ban Tổng Giám đốc trong việc tiếp xúc và ký các bản ghi nhớ với các cá nhân, tổ chức về những vấn đề liên quan đến khía cạnh pháp lý trong hoạt động của Công ty. Phối hợp với các phòng ban chức năng liên quan thực hiện những vấn đề đó để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty.
- Tham gia bảo vệ quyền lợi của Công ty trong việc tố tụng giải quyết tranh chấp tại các Tòa án, Trọng tài kinh tế hoặc các cơ quan khác ở trong và ngoài nước trên cơ sở pháp luật.
- Thu thập tài liệu, xác minh để đề xuất, kiến nghị và kết luận về mặt pháp lý đối với những vụ việc, bảo vệ quyền lợi của Công ty trước cơ quan tư pháp hoặc các cơ quan Nhà nước khác khi được Tổng Giám đốc giao.
- Dự thảo các hợp đồng theo sự phân công của Tổng giám đốc và tham gia quá trình đàm phán, ký kết hợp đồng và có ý kiến về mặt pháp lý đối với các văn bản hợp đồng đó.
- Tham gia ý kiến về mặt pháp lý đối với dự thảo hợp đồng, văn bản do các khối/phòng ban khác của Công ty chủ trì soạn thảo trước khi trình Tổng Giám đốc.
- Tham gia soạn thảo, xây dựng các văn bản, quy chế liên quan đến hoạt động của Công ty.
- Xem xét, kiểm tra, đưa ra ý kiến và chịu trách nhiệm về mặt pháp lý đối với dự thảo cuối cùng của các văn bản trước khi trình Tổng Giám đốc ký ban hành.
- Tiến hành rà soát và hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động của Công ty.
- Kiến nghị việc tạm đình chỉ, đình chỉ thi hành, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ những quy định của Công ty trái pháp luật hoặc không còn phù hợp.
- Đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty theo đúng quy định của pháp luật.
- Phối kết hợp với các khối/phòng ban liên quan đảm bảo chế độ báo cáo được thực hiện đầy đủ và đúng hạn.
- Thực hiện các công việc của Thư ký Hội đồng quản trị.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Tổng Giám đốc.

### **3.2.5 Phòng Ngân hàng đầu tư**

#### *Chức năng:*

- Tham mưu, tư vấn, giúp việc cho Ban lãnh đạo Công ty trong việc quản trị tài chính, huy động vốn của Công ty;
- Tư vấn dịch vụ Ngân hàng đầu tư khách hàng (cá nhân, tổ chức) trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán;

#### *Nhiệm vụ:*

- Thực hiện tư vấn tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp;
- Thực hiện tư vấn quản trị doanh nghiệp: tư vấn cấu trúc doanh nghiệp, tư vấn xây dựng điều lệ tổ chức và hoạt động, tư vấn xây dựng các quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Tư vấn tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Quản lý cổ đông;...
- Tư vấn M&A hỗ trợ doanh nghiệp: tư vấn xây dựng chiến lược, tìm kiếm và lựa chọn đối tượng sáp nhập/thâu tóm, Khảo sát và xác định giá trị doanh nghiệp để đưa ra mức giá hợp lý cho tổ chức thu mua, Tư vấn lựa chọn phương thức mua bán sáp nhập - Tư vấn các thủ tục giấy tờ pháp lý liên quan, Hỗ trợ khác trong quá trình chuẩn bị tham gia đàm phán;...
- Tư vấn huy động vốn cung cấp cho doanh nghiệp;...
- Dịch vụ tư vấn khác: Tư vấn xây dựng phương án chuyển đổi loại hình doanh nghiệp; Tư vấn xây dựng phương án bán cổ phần; Tư vấn tái cơ cấu và xây dựng chiến lược sau chuyển đổi;...

### **3.2.6 Phòng Tài chính kế toán**

#### *Chức năng*

- Tham mưu cho Tổng giám đốc về công tác hạch toán kế toán theo đúng chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán, luật kế toán và các quy định pháp luật hiện hành;
- Tham mưu cho Tổng giám đốc về tổ chức công tác kế toán thống nhất toàn Công ty (bao gồm Hội sở chính và các chi nhánh) và chế độ lưu trữ chứng từ kế toán theo pháp luật kế toán hiện hành;
- Tham mưu cho Tổng giám đốc về công tác kiểm tra kiểm soát toàn bộ các khoản doanh thu, chi phí của Công ty;
- Tham mưu cho Tổng giám đốc về công tác quản lý, kiểm soát tiền, bảo mật an toàn cho tài sản của Nhà đầu tư mở tài khoản chứng khoán tại công ty.

### *Nhiệm vụ*

Quản lý thực hiện các công việc liên quan đến hạch toán kế toán:

- Ban hành hệ thống tài khoản kế toán áp dụng thống nhất trong công tác hạch toán kế toán toàn Công ty theo quy định đối với công ty chứng khoán;
- Thiết lập và hướng dẫn thiết lập hệ thống sổ sách, chứng từ, mẫu biểu kế toán thống kê thống nhất toàn Công ty theo đúng quy định pháp luật hiện hành;
- Hướng dẫn và kiểm tra thực hiện các nguyên tắc, phương thức thiết lập các chứng từ kế toán;
- Kiểm tra kiểm soát và lập chứng từ kế toán, hạch toán kế toán theo quy định của pháp luật kế toán và tuân thủ các quy định, quy chế, quy trình nội bộ của Công ty;
- Kiểm tra, kiểm soát và đôn đốc các bộ phận hoàn thiện chứng từ thanh toán đầy đủ kịp thời đảm bảo hạch toán đúng niên độ kế toán;
- Theo dõi, tính toán các khoản trích khấu hao tài sản cố định, phân bổ công cụ dụng cụ đang sử dụng, phân bổ tiền lương và hạch toán chi phí phù hợp với quy định của Nhà nước
- Thực hiện thanh toán bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, tính và thanh toán tiền lương, thưởng và các chế độ khác cho cán bộ nhân viên toàn Công ty theo đúng quy định pháp luật và quy định của Công ty;
- Thực hiện thanh toán các khoản chi phí của Công ty theo đúng quy định pháp luật và các quy trình, quy chế, quy định nội bộ của Công ty;

Quản lý việc nộp, rút tiền, hạch toán và kiểm soát tài khoản tiền của nhà đầu tư:

- Thực hiện nộp, rút tiền theo chỉ định của Nhà đầu tư và quy định của Pháp luật;
- Thực hiện hạch toán Tiền gửi giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư theo quy định;
- Thực hiện hạch toán tiền vay giao dịch ký quỹ, vay ứng trước tiền bán chứng khoán, các dịch vụ tài chính khác và thu nợ nhà đầu tư trên cơ sở Báo cáo tổng hợp của các bộ phận liên quan;
- Thực hiện thanh toán quyền mua phát hành thêm chứng khoán cho nhà đầu tư;
- Đối chiếu số liệu thanh toán bù trừ của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam với số liệu của Công ty và thực hiện thanh toán bù trừ với Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam;
- Đầu mối thanh toán bù trừ tiền giao dịch giữa các chi nhánh, phòng giao dịch với Công ty.

Thực hiện công việc báo cáo, kiểm tra, kiểm soát:

- Là phòng chủ trì làm việc với đơn vị kiểm toán độc lập trong việc kiểm toán độc lập báo cáo tài chính, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính bán niên và theo niên độ kế toán năm;
- Kiểm soát việc lập báo cáo tiền gửi của nhà đầu tư theo tuần, báo cáo hoạt động tháng, quý, năm gửi các cơ quan quản lý theo quy định;
- Lập và gửi báo cáo tài chính, báo cáo thuế, báo cáo thống kê theo đúng kỳ hạn quy định hiện hành và báo cáo quản trị theo quy định của công ty/theo yêu cầu của Tổng Giám đốc

### **3.2.7 Phòng Tư vấn đầu tư**

*Chức năng:*

- Phát triển khách hàng:

Tìm kiếm, tiếp cận, chăm sóc khách hàng mới, khách hàng tiềm năng; khách hàng hiện có.

Tư vấn và bán hàng theo mục tiêu kinh doanh của Công ty đề ra: KPIs, doanh thu.

Hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh KPIs được giao bởi Tổng Giám đốc/Hội đồng quản trị.

- Phối hợp với các phòng ban nghiệp vụ và các đơn vị liên quan để đảm bảo thực hiện đúng quy chế, quy định của Công ty, hoàn thành được mục tiêu kinh doanh được giao. Triển khai các chính sách bán hàng cho từng tệp khách hàng (chính sách cho khách hàng tiềm năng, chính sách khách hàng mới, gia hạn tái đầu tư).
- Quản lý toàn bộ hệ thống khách hàng của Công ty nhằm đảm bảo duy trì và phát triển mở rộng thị trường hoàn thành kế hoạch kinh doanh theo định hướng của Công ty.
- Phân tích thị trường để tham mưu, đề xuất chiến lược phát triển kinh doanh mở rộng thị trường, chính sách chăm sóc khách hàng theo định hướng Ban Lãnh đạo Công ty.

*Nhiệm vụ:*

- Xây dựng và tổ chức triển khai thành công hoạt động kinh doanh của Phòng tư vấn đầu tư theo định hướng chiến lược của Ban Lãnh đạo Công ty.
- Triển khai, giám sát việc thực hiện kế hoạch hàng tuần, tháng, quý, năm để đạt KPIs Công ty giao.
- Tham mưu cho Ban Lãnh đạo Công ty về việc phát triển kinh doanh và giao kế hoạch phát triển kinh doanh.
- Tổ chức nghiên cứu, đánh giá các cơ hội phát triển kinh doanh qua các kênh như hội

thảo khách hàng, xây dựng mối quan hệ với khách hàng và đối tác.

- Thực hiện việc duy trì và phát triển quan hệ với các khách hàng hiện hữu.
- Đánh giá, cảnh báo rủi ro trọng yếu trong hoạt động kinh doanh tại các thị trường tài chính, đồng thời đề xuất phương thức nhằm nhận diện, phòng ngừa và ứng phó với các rủi ro tiềm tàng trong hoạt động kinh doanh.
- Chủ động đề xuất giải pháp xây dựng mục tiêu, chỉ tiêu, chương trình hành động, chương trình thi đua hiện thực hóa kế hoạch kinh doanh theo từng giai đoạn.
- Phối hợp với các phòng ban trong Công ty giải quyết các khó khăn trong việc kinh doanh, các phản hồi của khách hàng nhằm thúc đẩy hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Xây dựng và đo lường hệ thống chỉ tiêu đo lường hiệu quả hoạt động của nhân viên kinh doanh.
- Xây dựng, hoàn thiện mô hình tổ chức, định biên nhân sự, mô tả công việc của nhân viên thuộc Phòng tư vấn đầu tư.

### **3.2.8 Phòng khách hàng doanh nghiệp**

Phòng khách hàng doanh nghiệp có nhiệm vụ sau:

- Triển khai thực hiện các công việc liên quan đến hoạt động môi giới chứng khoán cho khách hàng doanh nghiệp;
- Hỗ trợ thiết lập quan hệ giữa Công ty và khách hàng;
- Giới thiệu các sản phẩm Công ty cung cấp dành cho khách hàng doanh nghiệp;
- Phối hợp với các phòng/ ban trong Công ty bán chéo sản phẩm/ dịch vụ
- Tư vấn đầu tư chứng khoán theo quy định pháp luật và Công ty.

### **3.2.9 Phòng môi giới chứng khoán cơ sở**

Phòng môi giới chứng khoán cơ sở có nhiệm vụ:

- Triển khai thực hiện các công việc liên quan đến hoạt động môi giới chứng khoán cơ sở cho khách hàng cá nhân;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán theo quy định pháp luật và Công ty;
- Nghiên cứu, đề xuất, xây dựng, cải tiến các quy chế, quy định, quy trình nghiệp vụ liên quan đến hoạt động môi giới chứng khoán cơ sở;
- Nghiên cứu, đề xuất chính sách áp dụng cho hoạt động môi giới trong Công ty;
- Tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty các công việc liên quan đến hoạt động môi giới chứng khoán.



### 3.3 Các công ty con, công ty liên kết: không có

## 4. Định hướng phát triển

### a) Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Trở thành một trong những định chế trung gian tài chính hàng đầu trong lĩnh vực chứng khoán và trở thành công ty chứng khoán dẫn đầu về các ứng dụng công nghệ trong sản phẩm tài chính.
- Xây dựng SBSI trở thành platform giao dịch với đầy đủ tiện ích, đáp ứng nhu cầu giao dịch, nhu cầu phân tích, nhu cầu thông tin một cách nhanh chóng, đơn giản.

### b) Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Đại chúng hóa Công ty, tiến tới niêm yết trên thị trường chứng khoán nhằm tối ưu nguồn vốn hoạt động, tăng quy mô vốn kinh doanh. Việc này nhằm bổ sung nguồn lực về vốn, tăng tính cạnh tranh về sản phẩm dịch vụ công ty cung cấp như hoạt động môi giới, cho vay margin ...
- Mở rộng mạng lưới môi giới, xây dựng chính sách sản phẩm ưu đãi, hấp dẫn nhằm tăng tính cạnh tranh của sản phẩm, thu hút khách hàng mới;
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng cường các lớp đào tạo chuyên sâu cho cán bộ nhân viên;
- Chú trọng đầu tư hệ thống công nghệ nhằm cung cấp cho khách hàng các sản phẩm/ dịch vụ/ giải pháp mới, thuận tiện, có tính cạnh tranh;
- Tăng cường công tác quản trị rủi ro, an toàn nghiệp vụ.

## 5. Các rủi ro

### a) Rủi ro pháp lý:

Rủi ro pháp lý là rủi ro được nhận diện từ việc:

- Công ty không tuân thủ, tuân thủ không đầy đủ, không đúng các quy định pháp luật hiện hành trong quá trình hoạt động.
- Công ty hoạt động và cung cấp sản phẩm, dịch vụ khi chưa có quy định của pháp luật.
- Tranh chấp, khiếu kiện...liên quan đến các Hợp đồng kinh tế mà Công ty đã ký kết với khách hàng, đối tác, người lao động...

Các biện pháp được Công ty áp dụng để giảm thiểu rủi ro pháp lý như:

- Thường xuyên cập nhật, phổ biến và đánh giá mức độ ảnh hưởng của các chế độ, chính sách.

- Tăng cường chất lượng nhân sự và năng lực tư vấn pháp lý của Bộ phận pháp chế.
- Tăng cường trao đổi, đào tạo về kiến thức, kinh nghiệm pháp lý giữa Bộ phận pháp chế và Ban lãnh đạo, các phòng ban.

#### *b) Rủi ro hoạt động*

- Là rủi ro xảy ra trong một số trường hợp sau:
- Do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống của hệ thống công nghệ thông tin.
- Do quy trình nghiệp vụ và thủ tục không đầy đủ, không cập nhật, không phù hợp.
- Do lỗi của con người thực hiện không đúng hoặc cố tình làm sai.
- Do các nguyên nhân khách quan từ bên ngoài khác.

Các biện pháp được Công ty áp dụng để giảm thiểu rủi ro hoạt động như:

- Ban hành Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp và giám sát việc tuân thủ bộ quy tắc này.
- Thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung, cập nhật quy chế, quy trình, quy định nội bộ.
- Nâng cấp các phần mềm bảo mật, phối hợp thường xuyên với đối tác cung cấp phần mềm để đảm bảo tính ổn định, bảo mật của hệ thống phần mềm giao dịch.
- Phân công, phân nhiệm rõ ràng, tăng cường cơ chế kiểm tra chéo, giám sát lẫn nhau giữa các bộ phận, cá nhân.
- Tăng cường các hoạt động kiểm tra, kiểm soát việc tuân thủ quy chế, quy trình, quy định nội bộ.

#### *c) Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro phát sinh trong các hoạt động như: đầu tư cổ phiếu, trái phiếu, cho vay ... làm giảm giá trị các khoản đầu tư của Công ty và giá trị tài sản đảm bảo của Khách hàng gây nên những ảnh hưởng bất lợi cho Công ty.

Các biện pháp được Công ty áp dụng để giảm thiểu rủi ro thị trường như:

- Thực hiện tốt công tác phân tích, dự báo.
- Theo dõi sát diễn biến thị trường, giá cổ phiếu.
- Áp dụng các công cụ đánh giá rủi ro.

#### *d) Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro khách hàng, đối tác không thanh toán, thanh toán không kịp thời cho Công ty các khoản tiền như: các khoản tiền cho vay, đầu tư các công cụ nợ dưới dạng trái phiếu...

Để phòng ngừa rủi ro tín dụng liên quan đến việc cung cấp các sản phẩm dịch vụ tài chính, Công ty áp dụng các biện pháp quản trị sau:

- Phân loại khách hàng để cung cấp hạn mức cho vay và các chính sách tín dụng phù hợp với độ tín nhiệm, khả năng thanh toán và tài sản ký quỹ của khách hàng.
- Xây dựng danh mục chứng khoán cho vay và tỷ lệ cho vay, tỷ lệ duy trì, tỷ lệ giải chấp phù hợp với quy định pháp luật và quy định Công ty.
- Làm tốt công tác giải chấp, gọi bổ sung tài sản đảm bảo và thu hồi nợ.

Để phòng ngừa rủi ro tín dụng liên quan đến việc đầu tư trái phiếu Công ty áp dụng các biện pháp quản trị sau:

- Tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định của pháp luật
- Đánh giá thận trọng mức độ tín nhiệm, khả năng thanh toán, tài sản đảm bảo của tổ chức phát hành.

#### e) Rủi ro về môi trường

Công ty hoạt động trong lĩnh vực tài chính, không sử dụng tài nguyên thiên nhiên nên rủi ro về môi trường là không đáng kể.

Tuy nhiên, rủi ro từ môi trường kinh doanh (chính trị, kinh tế, xã hội ...) là rủi ro hệ thống và tác động đến nền kinh tế nói chung và công ty nói riêng. Để hạn chế rủi ro này, Công ty thường xuyên cập nhật những thay đổi của môi trường kinh doanh và đánh giá các tác động đến mọi mặt hoạt động của Công ty.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### 1. Tình hình hoạt động kinh doanh

#### 1.1 Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm

##### a) Cơ cấu doanh thu

Cơ cấu doanh thu của Công ty các năm như sau:

**Bảng 1: Cơ cấu Doanh thu của Công ty các năm**

*ĐVT: triệu đồng*

TT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Tỷ trọng Tổng doanh thu	Năm 2021	Tỷ trọng Tổng doanh thu	% tăng/ giảm
1	Doanh thu hoạt động					

1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/ lỗ (FVTPL)	16.995	26,3%	29.552	25,7%	73,9%
-	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	4.024	6,2%	40.234	35,0%	899,9%
-	Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	11.974	18,6%	(11.974)	-10,4%	-200,0%
-	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	998	1,5%	1.292	1,1%	29,5%
1.2	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	1.591	2,5%	7.582	6,6%	376,6%
1.3	Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	5.500	8,5%	2.838	2,5%	-48,4%
1.4	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	31.077	48,2%	66.635	58,0%	114,4%
1.5	Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	75	0,1%	78	0,1%	4,2%
1.6	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	1.075	1,7%	1.742	1,5%	62,0%
1.7	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	6.570	10,2%	5.926	5,2%	-9,8%
1.8	Thu nhập hoạt động khác	-	-	0,1	0%	-
	<b>Cộng doanh thu hoạt động</b>	<b>62.882</b>	<b>97,5%</b>	<b>114.352</b>	<b>99,6%</b>	<b>81,9%</b>
<b>2</b>	<b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>209</b>	<b>0,3%</b>	<b>450</b>	<b>0,4%</b>	<b>115,3%</b>
<b>3</b>	<b>Thu nhập khác</b>	<b>1.436</b>	<b>2,2%</b>	<b>1</b>	<b>0,0%</b>	<b>-99,9%</b>
<b>4</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>64.527</b>	<b>100%</b>	<b>114.803</b>	<b>100%</b>	<b>77,9%</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021 của Công ty)

Doanh thu hoạt động năm 2021 tiếp tục tăng mạnh so với năm 2020, cụ thể Doanh thu hoạt động năm 2021 đạt 114,3 tỷ đồng, tương ứng tăng trưởng 81,9% so với năm 2020. Trong cơ cấu doanh thu hoạt động, hai khoản mục chiếm tỷ trọng lớn tiếp tục là Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán và Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), chiếm tỷ trọng lần lượt là 58,2% và 25,8% tổng doanh thu năm 2021, tương ứng tăng trưởng lần lượt là 114,4% và 73,9% so với năm 2020, các hoạt động khác có biến động

nhưng không lớn so với tổng doanh thu. Doanh thu hoạt động tài chính, Thu nhập khác năm 2021 chiếm tỷ trọng không đáng kể.

*b) Cơ cấu chi phí*

Cơ cấu chi phí của Công ty các năm:

**Bảng 2:** Cơ cấu chi phí của Công ty các năm

*ĐVT: triệu đồng*

TT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Tỷ trọng chi phí hoạt động/tổng doanh thu	Năm 2021	Tỷ trọng chi phí hoạt động/tổng doanh thu	% tăng/giảm
<b>1</b>	<b>Chi phí hoạt động</b>					
1.1	Lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/ lỗ (FVTPL)	2.612	4,0%	39.010	34,0%	1393,5%
-	Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	2.600	4,0%	39.010	34,0%	1400,4%
-	Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL	12	0,0%	-	0,0%	-100,0%
1.2	Chi phí hoạt động tự doanh	51	0,1%	171	0,1%	235,3%
1.3	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	14.704	22,8%	28.596	25,0%	94,5%
1.4	Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	2.112	3,3%	2.613	2,3%	23,7%
1.5	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	1.366	2,1%	975	0,9%	-28,6%
1.6	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	2.727	4,2%	1.559	1,4%	-42,8%
	<b>Cộng chi phí hoạt động</b>	<b>23.571</b>	<b>36,5%</b>	<b>72.923</b>	<b>63,5%</b>	<b>209,4%</b>
<b>2</b>	<b>Chi phí tài chính</b>	-	-	<b>721</b>	<b>0,6%</b>	-
<b>3</b>	<b>Chi phí quản lý công ty chứng khoán</b>	<b>12.662</b>	<b>19,6%</b>	<b>13.769</b>	<b>12,0%</b>	<b>8,7%</b>
<b>4</b>	<b>Chi phí khác</b>	<b>1.815</b>	<b>2,9%</b>	<b>315</b>	<b>0,3%</b>	<b>-82,6%</b>
<b>5</b>	<b>Tổng chi phí</b>	<b>38.048</b>	<b>60,5%</b>	<b>87.728</b>	<b>76,4%</b>	<b>130,6%</b>

*(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021 của Công ty)*

Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty chứng khoán là hai khoản mục chiếm tỷ trọng chính trong cơ cấu chi phí. Chi phí tài chính ở mức thấp do Công ty hạn chế vay nợ, chi phí khác không đáng kể.

Năm 2021 chi phí hoạt động đạt 72,9 tỷ đồng, tăng 209,4% so với năm 2020, chi phí hoạt động tăng mạnh tương đồng với xu hướng tăng của doanh thu hoạt động năm 2021 (doanh thu hoạt động năm 2021 tăng 81,9%). Trong đó, các khoản mục chiếm tỷ trọng chính là Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán và Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), chiếm lần lượt 39,2% và 53,5% chi phí hoạt động năm 2021; hai khoản mục này tăng lần lượt 94,5% và 1393,5% so với năm 2020. Chi phí quản lý công ty chứng khoán năm 2021 tăng nhẹ so với cùng kỳ năm 2020.

Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán tăng tương ứng với Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán. Cụ thể, Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán năm 2021 đạt 66,6 tỷ đồng tăng 114,4% so với năm 2020, dẫn đến chi phí nghiệp vụ môi giới năm 2021 là 29,6 tỷ đồng, tăng 94,5% so với chi phí nghiệp vụ môi giới năm 2020. Sự biến động này là do thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2021 có một lượng lớn nhà đầu tư mới tham gia thị trường, giá trị giao dịch bình quân phiên trên thị trường chứng khoán tăng, hoạt động môi giới chứng khoán của các công ty chứng khoán được hưởng lợi.

Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) năm 2021 tăng do giá chứng khoán trong danh mục tự doanh của Công ty giảm. Giá chứng khoán biến động theo cung cầu cổ phiếu trên thị trường từng thời điểm, mức độ quan tâm, kì vọng của nhà đầu tư đến cổ phiếu, doanh nghiệp.

#### c) Cơ cấu lợi nhuận gộp

Cơ cấu lợi nhuận gộp từng loại hoạt động của Công ty như sau:

**Bảng 3: Cơ cấu lợi nhuận gộp**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm
1	Lợi nhuận gộp hoạt động tự doanh	19.832	(6.791)	-134,2%
2	Lợi nhuận gộp nghiệp vụ môi giới chứng khoán	16.373	38.039	132,3%
3	Lợi nhuận gộp nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	75	78	4,0%
4	Lợi nhuận gộp nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	(291)	767	-363,6%

5	Lợi nhuận gộp hoạt động tư vấn tài chính	3.843	4.367	13,6%
	<b>Cộng</b>	<b>39.832</b>	<b>36.460</b>	<b>-8,5%</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021 của Công ty)

Năm 2021 hai hoạt động chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu lợi nhuận gộp gồm: nghiệp vụ môi giới chứng khoán và hoạt động tư vấn tài chính. Lợi nhuận gộp năm 2021 giảm chủ yếu do lỗ hoạt động tự doanh. Hoạt động tự doanh năm 2020 chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu lợi nhuận gộp (chiếm 49,8%), tuy nhiên sang năm 2021, hoạt động tự doanh của Công ty không thuận lợi giá chứng khoán trong danh mục tự doanh của Công ty giảm dẫn đến hoạt động tự doanh lỗ 6,79 tỷ đồng. Mặc dù vậy, hoạt động môi giới chứng khoán tăng trưởng mạnh đã góp phần giúp lợi nhuận gộp của Công ty chỉ giảm 8,5% so với năm 2020.

## 1.2 Tình hình thực hiện so với kế hoạch

**Bảng 4:** Tình hình thực hiện so với kế hoạch

*DVT: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	Thay đổi so với kế hoạch
Doanh thu hoạt động	62.882	70.000	114.352	163,4%
Lợi nhuận sau thuế	24.524	26.000	19.435	74,7%

(Nguồn: Công ty cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers)

Doanh thu hoạt động, Lợi nhuận sau thuế năm 2021 lần lượt đạt 114,3 tỷ đồng (+ 81,9% YoY) và 19,4 tỷ đồng (-20,8% YoY), tương ứng hoàn thành 163,4% kế hoạch doanh thu hoạt động, 74,7% kế hoạch lợi nhuận sau thuế.

Doanh thu hoạt động năm 2021 tăng chủ yếu do Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán (hoạt động môi giới) và Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) (hoạt động tự doanh) tăng.

Doanh thu hoạt động năm 2021 tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2020, tuy nhiên tốc độ tăng thấp hơn mức tăng chi phí hoạt động năm 2021, đồng thời các khoản mục khác (doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí quản lý công ty chứng khoán) tương đối ổn định, dẫn đến kết quả hoạt động năm 2021 tăng nhẹ so với năm 2020.

Lợi nhuận trước thuế năm 2020 bao gồm 11,97 tỷ lợi nhuận chưa thực hiện, còn năm 2021 không có lợi nhuận chưa thực hiện, dẫn đến thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 là 1,95 tỷ đồng thấp hơn thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021 (năm 2021 là 7,64 tỷ đồng). Vì thế lợi nhuận sau thuế năm 2021 thấp hơn năm 2020 và chỉ đạt 74,7% kế hoạch.

## 2. Tổ chức và nhân sự

### 2.1 Danh sách Ban điều hành

Ban điều hành của công ty gồm:

STT	Họ tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Nguyễn Quang Anh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	0%
2	Bùi Thị Việt Hà	Kế toán trưởng	0%

*Ông Nguyễn Quang Anh – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc:*

- Họ và tên: Nguyễn Quang Anh
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 20/02/1978
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: số 652 La Thành, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
- Số CMND: 011958248      Ngày cấp: 18/05/2010      Nơi cấp: CA Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính, ngân hàng, bảo hiểm
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
2000 – 2003	Kế toán viên, Trưởng phòng Kế toán Chi nhánh	Văn phòng đại diện Công ty Kho vận Miền Nam & Chi nhánh Công ty Kho vận Miền Nam
2003 – 2005	Trưởng phòng kế toán	Công ty cổ phần xây dựng Công trình Thăng long 9, Công ty cổ phần Visco
2005 – 2006	Kế toán	Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội
04/2006 – 03/2013	Kế toán trưởng	Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội & Công ty cổ phần Chứng khoán SHB



04/2013 – 08/2013	Phó Tổng Giám đốc	Công ty cổ phần Chứng khoán EuroCapital
08/2013 – 02/2015	Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	Công ty cổ phần Chứng khoán EuroCapital
02/2015 – 11/2015	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Công ty cổ phần Chứng khoán EuroCapital
12/2015- 08/2017	Phó Ban Tài chính- Ban Tài Chính HO (Hội sở)	Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Vpbank
08/2017 – 01/2019	Trưởng phòng Kế hoạch Hiệu suất, Khối quản trị tài chính	Ngân hàng TMCP Quốc Dân
01/2019 - 05/2019	Giám đốc tài chính	Công ty cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers
04/2019 – nay	Thành viên Hội đồng quản trị	Công ty cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers
05/2019 - nay	Tổng Giám đốc	Công ty cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không có
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Công ty đại chúng của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ:
  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;
  - Sở hữu của người có liên quan: không có.
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, quy chế lao động của Công ty

*Bà Bùi Thị Việt Hà – Kế toán trưởng*

- Họ và tên: Bùi Thị Việt Hà
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 15/06/1976

- Nơi sinh: Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: P710, nhà N08B Khu đô thị Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội
- Số CMND: 013083952      Ngày cấp: 19/06/2008      Nơi cấp: CA Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính tín dụng
- Quá trình công tác:

<b>Thời gian</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Đơn vị công tác</b>
11/1998 – 03/2000	Kế toán viên	Văn phòng đại diện Vipharco (Pháp)
03/2000 – 03/2007	Kế toán trưởng	Công ty TNHH Việt Phan
03/2007 – 11/2007	Nhân viên Ban dự án	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
11/2007 – 02/2010	Phó Phòng Kế toán Lưu ký	Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn Hà Nội
03/2010 – 09/2010	Nhân viên	Công ty Cổ phần chứng khoán Thăng Long
09/2010 – 11/2012	Trưởng Ban kiểm soát	Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia
11/2012 – 11/2014	Tổng giám đốc	Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia
05/2015 – 08/2018	Phụ trách Kế toán tài chính	Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB
08/2018 – 09/2019	Phó Phòng kế toán	Công ty cổ phần chứng khoán Stanley Brothers
10/2019 – nay	Kế toán trưởng	Công ty cổ phần chứng khoán Stanley Brothers

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Kế toán trưởng
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không có
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Công ty đại chúng của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ:
  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;

- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;
  - Sở hữu của người có liên quan: không có.
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: theo quy chế lao động của Công ty

## **2.2 Những thay đổi trong ban điều hành**

Không có

## **2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động**

### **2.3.1 Số lượng cán bộ, nhân viên**

Tính đến 31/12/2021 số lượng cán bộ, nhân viên của Công ty là 37 người (tại ngày 31/12/2020 là: 33 người)

### **2.3.2 Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:**

#### **a) Chế độ làm việc**

Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 5 ngày/tuần, nghỉ trưa 1h, cán bộ nhân viên được nghỉ thứ bảy và chủ nhật. Trường hợp do yêu cầu của công việc, cán bộ nhân viên làm thêm giờ sẽ được hưởng lương làm ngoài giờ theo quy định. Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước và đãi ngộ thoả đáng cho người lao động.

Thời gian nghỉ phép năm, nghỉ lễ, tết, nghỉ ốm đau, thai sản ... được đảm bảo đúng theo Luật Lao động.

Văn phòng làm việc được thiết kế khang trang, hiện đại. Cán bộ nhân viên được trang bị đầy đủ các công cụ lao động để làm việc. Ngoài ra, cán bộ nhân viên được trang bị đồng phục theo quy định Công ty.

#### **b) Chính sách tuyển dụng, đào tạo**

##### **Tuyển dụng:**

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có đủ trình độ, kỹ năng, kinh nghiệm cho vị trí cần tuyển dụng và có tư cách đạo đức tốt, có nguyện vọng gắn bó lâu dài với Công ty. Những lao động đảm nhận vị trí cao được Công ty chọn lựa kỹ càng nhằm đáp ứng được năng lực trình độ và kinh nghiệm theo yêu cầu của công việc.

##### **Đào tạo:**

Chính sách đào tạo của Công ty đảm bảo nguyên tắc nguồn nhân lực ổn định, lâu dài. Đề cao tính chuyên nghiệp, năng động trong các hoạt động của mình, Công ty luôn chú trọng công tác đào tạo cho nhân viên, nhằm xây dựng đội ngũ có trình độ chuyên môn, giỏi

nghịệp vụ.

Công ty có chính sách hỗ trợ học phí cho nhân viên tham gia các khóa đào tạo liên quan đến công việc nhằm đào tạo và tái đào tạo theo yêu cầu công việc từng thời điểm.

*c) Chính sách lương, thưởng, phúc lợi*

*Chính sách lương:*

Công ty thực hiện chi trả lương cho nhân viên dựa vào cấp công việc, năng lực, chức vụ, bằng cấp, thang bảng lương và điều kiện kinh doanh của Công ty, lương được chi trả một lần vào ngày 15 hàng tháng. Việc nâng lương hàng năm được thực hiện theo quy định của Nhà nước hiện hành.

*Chính sách thưởng:*

Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc; hàng năm Công ty đều tổ chức bình bầu các cá nhân, nhóm làm việc tiêu biểu, khen thưởng kịp thời đối với cá nhân và tập thể có nhiều đóng góp xây dựng cho Công ty cũng như các sáng kiến làm tăng hiệu quả công việc.

Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của các cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện các sáng kiến cải tiến về công việc; về tổ chức hoạt động kinh doanh của từng phòng ban và Công ty; hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Hình thức khen thưởng cũng rất đa dạng, bên cạnh thưởng bằng tiền mặt, hiện vật, Công ty còn tổ chức khen thưởng bằng những chuyến du lịch nước ngoài khi có điều kiện. Bên cạnh đó, Công ty cũng xử lý, kỷ luật thích đáng những cá nhân có hành vi gây thiệt hại đến hình ảnh và hoạt động kinh doanh của Công ty.

*Bảo hiểm và phúc lợi:*

Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo luật lao động, nội quy lao động.

Công ty luôn quan tâm đến đời sống của cán bộ nhân viên, có chính sách thăm hỏi, động viên đối với cán bộ nhân viên có điều kiện khó khăn. Vào các ngày lễ, tết trong năm Công ty tổ chức các hoạt động tham quan, nghỉ mát định kỳ cho cán bộ nhân viên.

### **3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**

*a) Các khoản đầu tư lớn:*

Trong năm công ty không có các khoản đầu tư dự án lớn, các khoản đầu tư khác như Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) được nêu chi tiết tại Báo cáo tài chính kiểm toán

năm 2020 và đã công bố thông tin.

b) Các công ty con, công ty liên kết: không có

#### 4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

**Bảng 5:** Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	DVT: đồng
			% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	376.740.358.714	428.923.702.623	13,9%
Doanh thu hoạt động	62.882.094.251	114.351.725.991	81,9%
Kết quả hoạt động	26.858.068.767	27.388.409.277	2,0%
Kết quả hoạt động khác	(379.726.515)	(314.118.100)	-17,3%
Lợi nhuận trước thuế	26.478.342.252	27.074.291.177	2,3%
Lợi nhuận sau thuế	24.524.274.310	19.434.810.933	-20,8%

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

**Bảng 6:** Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	30,66	6,28
Hệ số thanh toán nhanh	30,66	6,28
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,03	0,15
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,03	0,18
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Vòng quay hàng tồn kho	-	-
Doanh thu hoạt động/Tổng tài sản bình quân	0,17	0,28

4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu hoạt động	39,00%	17,00%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	6,86%	5,33%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	6,65%	4,82%
Hệ số Kết quả hoạt động/Doanh thu hoạt động	42,7%	24,0%

(Nguồn: Công ty cổ phần chứng khoán Stanley Brothers)

## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

### a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 33.900.000 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 33.900.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu: 0 cổ phần.

### b) Cơ cấu cổ đông:

Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/12/21 như sau:

**Bảng 7: Cơ cấu cổ đông**

STT	Danh mục	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông
1	Cổ đông lớn	0	0%	0
	Cổ đông nhỏ	33.900.000	100%	108
	Tổng cộng	33.900.000	100%	108
2	Cổ đông tổ chức	700.000	2,06%	1
	Cổ đông cá nhân	33.200.000	97,94%	107
	Tổng cộng	33.900.000	100%	108
3	Cổ đông trong nước	33.900.000	100,00%	19
	Cổ đông nước ngoài	0	0%	0
	Tổng cộng	33.900.000	100%	108

	Cổ đông Nhà nước	0	0%	0
4	Cổ đông khác	33.900.000	100%	108
	Tổng cộng	33.900.000	100%	108

(Nguồn: Công ty cổ phần chứng khoán Stanley Brothers)

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ

- Số lượng cổ phiếu quỹ: không có
- Các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm: không có

e) Các chứng khoán khác: không có

## **6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty**

### **6.1 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:**

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

### **6.2 Chính sách liên quan đến người lao động**

#### **6.2.1 Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:**

- Số lượng lao động tính đến 31/12/2021: 37 người
- Mức thu nhập trung bình: 19.807.416 đồng/tháng

#### **6.2.2 Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:**

Thời gian làm việc tại công ty là 8h/ngày, từ thứ 2 tới thứ 6, nghỉ trưa 1h. Cán bộ nhân viên được nghỉ lễ và Tết theo quy định của Luật Lao động. Đối với Cán bộ nhân viên làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày/năm. Những người còn lại sẽ được nghỉ phép tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Ngoài các chính sách phúc lợi theo yêu cầu nhà nước, nhân viên còn được hưởng thêm các chế độ phúc lợi khác như: nghỉ mát, sinh nhật, thưởng theo kết quả công việc.

Điều kiện làm việc: Công ty có trụ sở làm việc rộng rãi, hiện đại với đầy đủ cơ sở vật chất phục vụ cho công việc và đảm bảo sức khỏe cho người lao động.

#### **6.2.3 Hoạt động đào tạo người lao động:**

Nhằm hỗ trợ người lao động nâng cao kỹ năng công việc, công ty luôn quan tâm và tạo điều kiện cho cán bộ nhân viên tham gia các khóa đào tạo gồm:

- Đào tạo nội bộ: Công ty tổ chức các buổi đào tạo nội bộ nhằm phổ biến các kiến thức nghiệp vụ, sản phẩm mới, các kỹ năng cần thiết trong quá trình làm việc đến nhân viên.
- Đào tạo bên ngoài: Cán bộ nhân viên có nhu cầu tham gia các khóa học bên ngoài được công ty xem xét hỗ trợ kinh phí đào tạo.

### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

**Bảng 8:** Một số chỉ tiêu về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

*DVT: đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng/ giảm
Tổng giá trị tài sản	376.740.358.714	428.923.702.623	13,9%
Vốn chủ sở hữu	365.389.476.188	364.482.928.121	-0,2%
Doanh thu hoạt động	62.882.094.251	114.351.725.991	81,9%
Kết quả hoạt động	26.858.068.767	27.388.409.277	2,0%
Kết quả hoạt động khác	(379.726.515)	(314.118.100)	-17,3%
Lợi nhuận kế toán trước thuế	26.478.342.252	27.074.291.177	2,3%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	24.524.274.310	19.434.810.933	-20,8%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	6%	-	
Tỷ lệ cổ tức	6%	-	
Giá trị sổ sách (đồng/cổ phiếu)	10.778	10.752	-0,2%

*(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021 của Công ty)*

Năm 2021, Công ty hoàn thành 163,4% kế hoạch doanh thu hoạt động, 74,7% kế hoạch lợi nhuận sau thuế. Để đạt được kết quả nêu trên, ngoài những định hướng, đơn đốc, theo dõi sát sao hoạt động kinh doanh của Ban lãnh đạo Công ty, còn có sự đóng góp của các bộ phận trong Công ty và những yếu tố ảnh hưởng khác, cụ thể như sau:

Doanh thu hoạt động năm 2021 tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2020, tuy nhiên tốc độ tăng thấp hơn mức tăng chi phí hoạt động năm 2021, đồng thời các khoản mục khác (doanh



thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí quản lý công ty chứng khoán) tương đối ổn định, dẫn đến kết quả hoạt động năm 2021 tăng nhẹ so với năm 2020.

Cụ thể, năm 2021 doanh thu hoạt động (đạt 114,3 tỷ đồng) tăng 81,9%, chi phí hoạt động (đạt 72,9 tỷ đồng) tăng 209,4%, kéo theo kết quả hoạt động (đạt 27,4 tỷ đồng) chỉ tăng 2% so với cùng kỳ năm 2020.

Doanh thu hoạt động năm 2021 tăng chủ yếu do Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán (hoạt động môi giới) và Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) (hoạt động tự doanh) tăng.

Chi phí hoạt động tăng nhanh hơn doanh thu hoạt động năm 2021 chủ yếu do lỗ hoạt động tự doanh tăng mạnh so với năm 2020 (khoản mục Lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/ lỗ (FVTPL)). Giá chứng khoán trong danh mục tự doanh của Công ty biến động không thuận lợi, Công ty ghi nhận khoản lỗ tự doanh tăng.

Kết quả hoạt động khác ít biến động và chiếm tỷ trọng không đáng kể. Kết quả hoạt động khác năm 2020, 2021 lần lượt là (380) triệu đồng và (314 triệu đồng). Kết quả hoạt động khác âm do thu nhập khác thấp hơn chi phí khác.

Thu nhập khác năm 2020 là 1.435 triệu đồng, trong đó chủ yếu là khoản tiền phạt Công ty thu được do khách hàng thanh lý Hợp đồng mua trái phiếu trước hạn. Tương ứng với đó là tiền lãi phạt đặt cọc mua bán trái phiếu 1.267 triệu đồng trong tổng chi phí khác 1.815 triệu đồng.

Thu nhập khác năm 2021 chỉ ghi nhận 1 triệu đồng, trong khi đó chi phí khác là 315 triệu đồng. Trong chi phí khác năm 2021 chủ yếu là Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ thanh lý và Tiền thuê văn phòng.

Kết quả hoạt động năm 2021 tăng nhẹ so với năm 2020 trong khi Kết quả hoạt động khác ít biến động, dẫn đến Lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2021 xấp xỉ năm 2020 và đạt mức 27,1 tỷ đồng. Tuy nhiên, Lợi nhuận trước thuế năm 2020 bao gồm 11,97 tỷ lợi nhuận chưa thực hiện, còn năm 2021 không có lợi nhuận chưa thực hiện, dẫn đến thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 là 1,95 tỷ đồng thấp hơn thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021 (năm 2021 là 7,64 tỷ đồng). Vì thế lợi nhuận sau thuế năm 2021 thấp hơn năm 2020. Cụ thể, lợi nhuận sau thuế năm 2021 đạt 19,4 tỷ đồng, giảm 20,8% so với năm 2020.

## **2. Tình hình tài chính**

### **2.1 Tình hình tài sản**

Tổng tài sản năm 2021 đạt 428,9 tỷ đồng, tăng trưởng 13,9% so với năm 2020, đặc thù hoạt động của công ty chứng khoán, cơ cấu tài sản của Công ty chủ yếu là tài sản tài chính. Tài sản tài chính chiếm tỷ trọng trên 90% cơ cấu tài sản của Công ty, các tài sản khác chiếm

tỷ trọng không đáng kể.

**Bảng 9:** Tình hình tài sản

*ĐVT: đồng*

STT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	Thay đổi
I	Tài sản ngắn hạn	348.011.116.136	404.873.882.869	16,3%
1	Tài sản tài chính	347.537.981.965	404.529.943.815	16,4%
2	Tài sản ngắn hạn khác	473.134.171	343.939.054	-27,3%
II	Tài sản dài hạn	28.729.242.578	24.049.819.754	-16,3%
1	Tài sản cố định	22.866.539.707	17.942.651.647	-21,5%
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	500.000.000	-	-100,0%
3	Tài sản dài hạn khác	5.362.702.871	6.107.168.107	13,9%
<b>Tổng cộng tài sản</b>		<b>376.740.358.714</b>	<b>428.923.702.623</b>	<b>13,9%</b>

*(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021)*

Chi tiết các tài sản tài chính của Công ty:

**Bảng 10:** Các tài sản tài chính của Công ty

*ĐVT: đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021
<b>Tài sản tài chính</b>	<b>347.537.981.965</b>	<b>404.529.943.815</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.632.854.390	84.278.979.992
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) <sup>(1)</sup>	-	40.000.000.000
Các khoản cho vay <sup>(2)</sup>	90.001.474.854	246.337.714.076
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) <sup>(3)</sup>	241.510.381.056	2.608.422.577
Các khoản phải thu <sup>(4)</sup>	202.057.200	24.686.282.469
Trả trước cho người bán	1.692.411.585	5.264.646.573
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	498.442.828	1.353.178.024
Các khoản phải thu khác	360.052	720.104

*(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021 của Công ty)*

(1): Chi tiết các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL):

	31/12/2020		31/12/2021	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Trái phiếu(*)	-	-	40.000.000.000	40.000.000.000
	-	-	<b>40.000.000.000</b>	<b>40.000.000.000</b>

(\*): Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, kì hạn 10 năm, ngày phát hành: 18/11/2021, lãi suất thả nổi và bằng Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 1,0%/năm.

Tại thời điểm 31/12/2020, Công ty không thu thập được báo giá của 03 công ty chứng khoán theo quy định tại Thông tư 146/2014/TT-BTC ngày 06/10/2014 để xác định giá trị thị trường của các cổ phiếu chưa niêm yết và trái phiếu chưa niêm yết, theo đó giá trị hợp lý được tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.

(2): Chi tiết các khoản cho vay:

	31/12/2020	31/12/2021
	VND	VND
Hoạt động margin	47.607.800.551	57.444.094.207
Hoạt động ứng trước tiền bán	42.393.674.303	188.893.619.869
	<b>90.001.474.854</b>	<b>246.337.714.076</b>

(3): Chi tiết Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS):

	31/12/2020		31/12/2021	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết(*)	49.476.800.000	61.450.880.000	-	-
Trái phiếu niêm yết (*)	-	-	106.659.000	105.300.000
Trái phiếu(**)	180.059.501.056	180.059.501.056	2.503.122.577	2.503.122.577
	<b>229.536.301.056</b>	<b>241.510.381.056</b>	<b>2.609.781.577</b>	<b>2.608.422.577</b>

(\*): Giá trị hợp lý của các cổ phiếu niêm yết được xác định theo giá đóng cửa trên sàn HOSE tại ngày 31/12/2020.

(\*\*): Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Theo đó giá trị hợp lý được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.

Cụ thể Tài sản tài chính sẵn sàng để bán như sau:

	Giá mua		Giá thị trường	
	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2020	31/12/2021
	VND	VND	VND	VND
<b>AFS</b>	<b>229.536.301.056</b>	<b>2.609.781.577</b>	<b>241.510.381.056</b>	<b>2.608.422.577</b>
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>	<b>49.476.800.000</b>	<b>-</b>	<b>61.450.880.000</b>	<b>-</b>
Sàn Hồ Chí Minh	49.476.800.000	-	61.450.880.000	-
- APH	4.480.000.000	-	4.787.200.000	-
- NHH	44.996.800.000	-	56.663.680.000	-
<b>Trái phiếu</b>	<b>180.059.501.056</b>	<b>2.609.781.577</b>	<b>180.059.501.056</b>	<b>2.608.422.577</b>
- Trái phiếu công ty Cổ phần An Phát Finance <sup>(ii)</sup> (kỳ hạn 3 năm, lãi suất 11%/năm, ngày phát hành 20/12/2019)	33.468.497.724	2.176.712.879	33.468.497.724	2.176.712.879
- Trái phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings <sup>(ii)</sup> (kỳ hạn 3 năm, lãi suất 8%/năm, ngày phát hành 26/12/2019)	145.931.516.722	326.409.698	145.931.516.722	326.409.698
- Trái phiếu Công ty TNHH KCN kỹ thuật Cao An Phát <sup>(ii)</sup>	659.486.610	-	659.486.610	-
- KBC121020 <sup>(i)</sup> (kỳ hạn 24 tháng, ngày phát hành: 24/06/2021, lãi suất 10,8%/năm)	-	106.659.000	-	105.300.000

<sup>(i)</sup>: Giá trị hợp lý của trái phiếu niêm yết được xác định theo giá đóng cửa trên sàn HNX tại ngày 31/12/2021

<sup>(ii)</sup>: Tại thời điểm 31/12/2020, Công ty không thu thập được báo giá của 03 công ty chứng khoán theo quy định tại Thông tư 146/2014/TT-BTC ngày 06/10/2014 để xác định giá trị thị trường của các cổ phiếu chưa niêm yết và trái phiếu chưa niêm yết, theo đó giá trị hợp lý được tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.

(4): Chi tiết các khoản phải thu:

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021
Các khoản phải thu	202.057.200	24.686.282.469
Phải thu bán các tài sản tài chính <sup>(***)</sup>	-	24.075.000.000
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi tài sản tài chính	202.057.200	611.282.469

(\*\*\*) : Số dư khoản phải thu bán cổ phiếu chưa niêm yết thuộc hoạt động tự doanh của Công ty tại ngày 31/12/2022, ngày 11/01/2022 Công ty đã thu được tiền toàn bộ khoản phải thu này.

## 2.2 Tình hình nợ phải trả

Tình hình các khoản nợ phải trả của Công ty:

**Bảng 11:** Tình hình các khoản nợ phải trả của Công ty

*DVT: đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	Thay đổi
<b>Nợ phải trả ngắn hạn</b>	<b>11.350.882.526</b>	<b>64.440.774.502</b>	<b>467,7%</b>
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn <sup>(5)</sup>	-	40.000.000.000	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	1.032.391.176	2.252.624.953	118,2%
Phải trả người bán ngắn hạn	305.923.887	90.566.770	-70,4%
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	2.195.105.482	6.434.931.335	193,1%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	6.760.774.098	13.609.840.884	101,3%
Phải trả người lao động	721.978.030	1.251.610.256	73,4%
Chi phí phải trả ngắn hạn	148.948.441	801.200.304	437,9%
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	185.761.412	-	-100,0%
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>11.350.882.526</b>	<b>64.440.774.502</b>	<b>467,7%</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020, 2021)

(5): Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay ngắn hạn:

Hợp đồng tín dụng số 1711/2021/HĐVV/HII-SBSI ngày 16/11/2021, với các điều khoản chi tiết như sau:

- Công ty Cổ phần An Tiên Industries cho vay số tiền: 40.000.000.000 đồng;
- Thời hạn vay: 180 ngày;

- Lãi suất cho vay: 9%/năm;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

Nhìn chung, những năm qua các khoản nợ phải trả của Công ty chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu nguồn vốn. Năm 2021 tình hình các khoản nợ phải trả của Công ty tăng chủ yếu do phát sinh khoản vay ngắn hạn nêu trên nhằm phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Các khoản nợ đều được Công ty thanh toán đúng hạn, Báo cáo tài chính của Công ty không phát sinh nợ phải trả quá hạn.

Ngoài ra, hoạt động kinh doanh của Công ty tại địa bàn trong nước, không chịu ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái.

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý của Công ty ổn định, không có sự thay đổi lớn trong năm 2021. Cơ cấu tổ chức của Công ty tinh gọn, ít cấp trung gian, Tổng Giám đốc phụ trách chung hoạt động của Công ty, dưới Tổng Giám đốc là các phòng ban nghiệp vụ.

Nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển và theo nhu cầu thực tế, Công ty sẽ tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức theo hướng tối ưu, tinh gọn, hiệu quả, tuân thủ các quy định pháp luật liên quan.

### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

#### a) Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức dự kiến của Công ty như sau:

**Bảng 12: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức**

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	
	Kế hoạch (*)	% tăng/giảm so với năm 2021
Vốn điều lệ	339.000.000.000	-
Doanh thu thuần	180.000.000.000	57,4%
- <i>Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán</i>	<i>81.400.000.000</i>	<i>22,2%</i>
- <i>Doanh thu kinh doanh nguồn vốn (hoạt động tự doanh, cho vay margin)</i>	<i>87.200.000.000</i>	<i>118,2%</i>
- <i>Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính</i>	<i>11.400.000.000</i>	<i>92,4%</i>

Lợi nhuận sau thuế	60.000.000.000	208,7%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	33,3%	96,1%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu	16,5%	208,7%
Tỷ lệ cổ tức	30%	-

(\*) Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức do Ban Tổng Giám đốc Công ty xây dựng dựa trên tình hình thực tế hoạt động của Công ty và thị trường chứng khoán, số liệu kế hoạch kinh doanh chính thức sẽ được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua

b) Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nêu trên.

*Tình hình thị trường chứng khoán:*

Trong bối cảnh dịch bệnh Covid – 19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh nhiều ngành nghề, doanh nghiệp, sức mua của người tiêu dùng giảm sút. Nền kinh tế Việt Nam được kỳ vọng sẽ hồi phục nhanh chóng nhờ chính sách tiêm chủng thần tốc, sự hỗ trợ mạnh mẽ của Chính phủ thông qua các gói hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, cùng các điều kiện thuận lợi khác như mặt bằng lãi suất thấp, các gói kích cầu đầu tư công ...

Thị trường chứng khoán sẽ tiếp tục được hỗ trợ bởi triển vọng tăng trưởng của nền kinh tế, mặt bằng lãi suất thấp, số lượng nhà đầu tư tham gia thị trường chứng khoán tiếp tục tăng cao. Thị trường chứng khoán ngày càng chứng tỏ là một kênh đầu tư hấp dẫn và là kênh huy động vốn quan trọng của doanh nghiệp, nền kinh tế.

Đồng thời, thị trường chứng khoán Việt Nam được các chuyên gia, nhà đầu tư kỳ vọng năm 2022 tiếp tục có sự phát triển mạnh mẽ trên tất cả các khía cạnh như: giá trị giao dịch, số lượng nhà đầu tư mới tham gia thị trường, dòng vốn ngoại hồi phục, các sản phẩm mới ... Bên cạnh đó thị trường cũng sẽ tiếp tục chứng kiến sự cạnh tranh gay gắt giữa các công ty chứng khoán, đặc biệt là các công ty có vốn nước ngoài.

Trong bối cảnh đó, kế hoạch kinh doanh của Công ty được xây dựng dựa trên các nhận định, phân tích, đánh giá tình hình thị trường, đánh giá các yếu tố nội tại, nguồn lực hiện có và định hướng phát triển các năm tiếp theo.

Với xu hướng phát triển thị trường chứng khoán các năm gần đây và triển vọng các năm tiếp theo: quy mô thị trường ngày càng gia tăng, nhiều nhà đầu tư mới tham gia thị trường. Điều đó mở ra cơ hội cho các công ty trong ngành, đặc biệt là các Công ty hiện có thị phần khiêm tốn nhưng sẵn sàng thay đổi, có nguồn lực về vốn, con người, có chiến lược phát triển đúng đắn thu hút tập khách hàng mới.

*Kế hoạch triển khai nhằm đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nêu trên:*

Tình hình kinh tế và thị trường chứng khoán các năm tiếp theo có nhiều thuận lợi, thách

thức đan xen, Công ty sẽ phát huy các thế mạnh, tận dụng các cơ hội, đồng thời tiếp tục chú trọng công tác quản trị rủi ro, an toàn nghiệp vụ.

Theo đó, Công ty đề ra nhiệm vụ cho các lĩnh vực hoạt động nhằm đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2022 như sau:

<b>STT</b>	<b>Lĩnh vực</b>	<b>Nhiệm vụ</b>
1	Nguồn vốn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Theo dõi, cân đối nguồn vốn, đảm bảo an toàn thanh khoản, an toàn hoạt động của Công ty;</li> <li>- Theo dõi sát tình hình thị trường, nhu cầu khách hàng, triển khai các giải pháp bổ sung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh của Công ty;</li> <li>- Tăng cường hợp tác với các đối tác tổ chức tài chính để cung cấp nguồn vốn cho nhà đầu tư.</li> </ul>
2	Môi giới	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nâng cao số lượng, chất lượng đội ngũ môi giới;</li> <li>- Tăng cường công tác đào tạo, nâng cao chất lượng tư vấn cho đội ngũ môi giới;</li> <li>- Đẩy mạnh phát triển khách hàng cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài.</li> </ul>
3	Dịch vụ tài chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đa dạng hóa các hình thức cung cấp dịch vụ;</li> <li>- Cải tiến các sản phẩm theo hướng linh hoạt, thuận tiện với khách hàng, đảm bảo an toàn hoạt động;</li> <li>- Phát triển sản phẩm mới đảm bảo tính cạnh tranh trên thị trường;</li> <li>- Bổ sung nguồn vốn cho vay margin;</li> <li>- Kiểm soát rủi ro, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tuân thủ các quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.</li> </ul>
4	Đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cân đối nguồn vốn hợp lý, tìm kiếm các cơ hội đầu tư trên thị trường chứng khoán;</li> <li>- Tái cơ cấu danh mục đầu tư, đảm bảo tính hiệu quả.</li> </ul>
5	Tư vấn tài chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Triển khai các dịch vụ tư vấn truyền thống, đồng thời chú trọng khai thác các nghiệp vụ tư vấn về tái cấu trúc doanh nghiệp nhằm tăng giá trị hợp đồng tư vấn;</li> </ul>



	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tư vấn và làm trung gian thu xếp vốn, cùng các nghiệp vụ IB khác;</li> <li>- Nâng cao chất lượng tư vấn.</li> </ul>
6	<p>Tổ chức nhân sự</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng cường hoạt động đào tạo, tuyển chọn mới để bổ sung và nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự;</li> <li>- Kiểm soát chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực.</li> </ul>

Nguồn vốn huy động dự kiến cho hoạt động kinh doanh năm 2022: Công ty dự kiến vay ngân hàng, các định chế tài chính, phát hành trái phiếu (riêng lẻ và/hoặc ra công chúng) với tổng giá trị huy động vốn dự kiến 500.000.000.000 đồng.

Về hoạt động môi giới chứng khoán, Công ty kỳ vọng trong bối cảnh tình hình thuận lợi của thị trường chứng khoán hiện nay, sẽ tăng gấp đôi số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán (từ mức gần 5.000 tài khoản chứng khoán hiện nay lên 10.000 tài khoản chứng khoán). Chú trọng phát triển sản phẩm mới có tính cạnh tranh so với thị trường, tăng số lượng, chất lượng nhân sự môi giới chứng khoán, góp phần tăng doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán.

Về hoạt động cho vay margin, tự doanh: Công ty sẽ bổ sung nguồn vốn để đáp ứng nhu cầu vay margin ngày càng tăng của nhà đầu tư. Đồng thời, Công ty sẽ tận dụng tối đa những cơ hội trên thị trường chứng khoán, kết hợp với hoạt động tư vấn tài chính nhằm tìm kiếm cơ hội đầu tư tiềm năng. Hướng đến cung cấp gói dịch vụ cho doanh nghiệp để gia tăng doanh thu như: tư vấn chào bán chứng khoán, tư vấn đại chúng, niêm yết chứng khoán, cung cấp dịch vụ môi giới chứng khoán, dịch vụ cho vay margin, xem xét cơ hội đầu tư tự doanh chứng khoán.

Về hoạt động tư vấn tài chính Công ty dự kiến triển khai các Hợp đồng với các khách hàng sau: Tập đoàn Sơn Hà, Công ty Cổ phần Tập đoàn BGI, Công ty Cổ phần Minh Hưng Quảng Trị, Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (các Hợp đồng tư vấn thoái vốn), Công ty Cổ phần Bất động sản Trường Phúc ...

Ngoài ra, với triển vọng tích cực của thị trường chứng khoán Việt Nam và qua thực tế tiếp xúc với khách hàng: nhiều doanh nghiệp chưa đại chúng có nhu cầu đại chúng hóa, niêm yết chứng khoán, M&A ... Do vậy, Công ty kỳ vọng sẽ phát triển nhiều khách hàng mới từ nguồn này.

## **5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty**

### **a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường**

Là công ty hoạt động trong lĩnh vực tài chính, tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải ở mức thấp. Ngoài ra, Công ty có quy định về việc tiết kiệm các chi phí văn phòng, tiết kiệm năng lượng, thường xuyên tuyên truyền đến cán bộ nhân viên ý thức tiết kiệm năng lượng, nước, điện như: tắt các thiết bị điện khi không cần thiết, tiết kiệm sử dụng giấy văn phòng...

### **b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động**

Công ty tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến người lao động, thực hiện đầy đủ chính sách bảo hiểm y tế theo quy định của Luật Lao Động, chăm lo đến đời sống nhân viên, có chính sách thưởng đối với người lao động có kết quả công việc tốt trong năm, chi trả các khoản thưởng cho nhân viên nhân dịp sinh nhật, 8/3 ...

## **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

- Trong năm 2021, các phòng/ ban theo chức năng và nhiệm vụ của mình, đã thực hiện tốt các quy trình/ quy định nội bộ tuân thủ nghiêm túc quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Các phòng/ ban đã hoạt động hiệu quả, sự phối hợp giữa các bộ phận mang lại hiệu quả cao, được thể hiện qua doanh thu hoạt động tăng trưởng 81,9% so với 2020.
- Công tác quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ của Công ty tiếp tục được tăng cường.
- Ban Tổng Giám đốc và tập thể cán bộ, nhân viên đã nỗ lực và thực hiện đồng bộ các giải pháp để từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ.
- Công ty chú trọng công tác bảo vệ môi trường, trách nhiệm xã hội thông qua việc đào tạo nâng cao nhận thức của cán bộ nhân viên về ý thức trách nhiệm môi trường, cộng đồng, xã hội.

### **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty**

- Ban Tổng Giám đốc với chức năng và quyền hạn của mình, đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo điều lệ Công ty
- Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đầy đủ các công việc được Đại hội đồng cổ đông, HĐQT giao phó đảm bảo tuân thủ đúng pháp luật và Điều lệ công ty.
- Ban Tổng Giám đốc đã nỗ lực thực hiện kế hoạch kinh doanh được đề ra, kết quả kinh doanh: doanh thu hoạt động tăng 81,9%, lợi nhuận sau thuế giảm 20,8% so với cùng kì

năm 2020; tương ứng hoàn thành 163,4% kế hoạch doanh thu hoạt động, 74,7% kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2021.

- Công tác kiểm toán, kiểm soát nội bộ được thực hiện thường xuyên nhằm ngăn ngừa và kiểm soát được rủi ro.
- Ban Tổng Giám Đốc duy trì các cuộc họp giao ban hàng tuần, hàng tháng với các phòng/ban để có những chỉ đạo sát sao, phù hợp.

### 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2022, HĐQT sẽ tiếp tục tăng cường vai trò quản lý, giám sát đúng theo quyền hạn và nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Công ty, phấn đấu hoàn thành tốt các kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao phó:

- Hoàn thành tốt kế hoạch kinh doanh năm 2022.
- Tăng cường công tác quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ.
- Giám sát hoạt động của Ban điều hành và các bộ phận trong Công ty đảm bảo hiệu quả hoạt động, tuân thủ pháp luật, thực thi kịp thời các công việc mà Đại hội đồng cổ đông giao phó.
- Định hướng phát triển các sản phẩm dịch vụ đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu thị trường.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị

#### 1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty (HĐQT) gồm 3 thành viên, trong đó Ông Trịnh Quang Huy được bầu làm Chủ tịch Hội đồng quản trị kể từ ngày 01/06/2020. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị Công ty hiện nay và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của từng thành viên:

STT	Họ tên	Chức danh	Cổ phần sở hữu	
			Số lượng	Tỷ lệ
1	Trịnh Quang Huy	Chủ tịch HĐQT	0	0%
2	Nguyễn Quang Anh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	0	0%
3	Luyện Quang Thắng	Thành viên HĐQT	300.000	0,88%

#### a) Ông Trịnh Quang Huy – Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Họ và tên: Trịnh Quang Huy
- Giới tính: Nam

- Ngày sinh: 16/03/1984
- Nơi sinh: Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: Số nhà 21 ngõ Lan Bá, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
- Số CMND: 031084000001                      Ngày cấp: 15/10/2012  
Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán – Kiểm toán
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
12/2006 - 03/2011	Trưởng nhóm Kiểm toán nội bộ	Ngân hàng TMCP Á Châu
03/2011 – 09/2013	Trưởng ban Kiểm toán nội bộ	Ngân hàng TMCP Tiên Phong
09/2013 – 12/2018	Giám đốc Kiểm tra	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương
2018 – 06/2020	Cố vấn Tổng giám đốc	Công ty cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers
06/2020 - nay	Chủ tịch HĐQT	Công ty cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không có
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Công ty đại chúng của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ:
  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;
  - Sở hữu của người có liên quan: không có.
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, quy chế lao động của Công ty.

***b) Ông Nguyễn Quang Anh – Thành viên Hội đồng quản trị***

Thông tin sơ yếu lý lịch đã được nêu tại Mục II.2 Tổ chức và nhân sự

**c) Ông Luyện Quang Thắng – Thành viên Hội đồng quản trị**

- Họ và tên: Luyện Quang Thắng
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 14/07/1994
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: số 10 ngách 463/28 Đội Cấn, phường Cống Vị, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
- Số CMND: 013098437      Ngày cấp: 09/08/2012      Nơi cấp: CA Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính
- Quá trình công tác:

<b>Thời gian</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Đơn vị công tác</b>
08/2016 – 06/2017	Trợ lý kiểm toán viên	Công ty TNHH Grant Thornton Việt Nam
09/2018 – nay	Trưởng phòng Ngân hàng đầu tư	Công ty cổ phần chứng khoán Stanley Brothers
04/2019 – nay	Thành viên HĐQT	Công ty cổ phần chứng khoán Stanley Brothers

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Trưởng phòng Ngân hàng đầu tư
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không có
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Công ty đại chúng của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ:
  - Sở hữu cá nhân: 300.000 cổ phần, chiếm 0,88% vốn điều lệ;
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;
  - Sở hữu của người có liên quan: không có.
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, quy chế lao động của Công ty

**1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không có**

**1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị**

*Các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp:*

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị đã họp và thông qua các nghị quyết để triển khai quyết định của Đại hội đồng cổ đông và thực hiện các nội dung khác thuộc thẩm quyền gồm:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2021/NQ-HĐQT	25/01/2021	Thông qua chính sách quản trị rủi ro của Công ty	100%
2	02/2021/NQ-HĐQT	25/03/2021	Thông qua hoạt động đầu tư của Công ty	100%
3	03/2021/NQ-HĐQT	29/03/2021	Gia hạn thời gian tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	100%
4	04/2021/NQ-HĐQT	06/04/2021	Thông qua hoạt động đầu tư của Công ty	100%
5	05/2021/NQ-HĐQT	08/04/2021	Triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	100%
6	06/2021/NQ-HĐQT	19/04/2021	Thông qua các hợp đồng, giao dịch của Công ty	100%
7	07/2021/NQ-HĐQT	22/04/2021	Thông qua Phương án đầu tư của Công ty	100%
8	08/2021/NQ-HĐQT	26/04/2021	Thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan	100%
9	09/2021/NQ-HĐQT	04/05/2021	Thông qua bán lại trái phiếu APH trước hạn	100%
10	10/2021/NQ-HĐQT	26/05/2021	Triển khai thực hiện chi trả cổ tức năm 2020	100%
11	11/2021/NQ-HĐQT	21/06/2021	Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2021	100%
12	12/2021/NQ-HĐQT	25/06/2021	Thông qua Phương án đầu tư của công ty năm 2021 và 2022	100%
13	13.1/2021/NQ-HĐQT	01/07/2021	Thông qua việc đóng BHXH cho Ông Trịnh Quang Huy	100%
14	13/2021/NQ-HĐQT	23/12/2021	Triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	100%
15	14/2021/NQ-HĐQT	23/12/2021	Kế hoạch kinh doanh dự kiến năm 2022 trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	100%
16	15/2021/NQ-HĐQT	24/12/2021	Triển khai thực hiện đăng ký công ty đại chúng, đăng ký giao dịch upcom	100%

*Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc:*

Hội đồng quản trị đã thực hiện giám sát đối với hoạt động điều hành của Tổng giám

đốc. Đồng thời chỉ đạo, đôn đốc, triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nhằm đảm bảo thực hiện đúng Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật liên quan.

Qua việc giám sát và đánh giá sự tuân thủ, Hội đồng quản trị đánh giá Tổng giám đốc đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định. Hội đồng quản trị đánh giá cao và ghi nhận kết quả điều hành kinh doanh năm 2021 của Tổng giám đốc. Tổng giám đốc đã chủ động thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

#### **1.4 Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập**

Không có (mô hình hoạt động của Công ty không có thành viên Hội đồng quản trị độc lập)

#### **1.5 Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: không có**

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các buổi đào tạo nội bộ, phổ biến các văn bản pháp luật hiện hành về quản trị công ty. Đồng thời tự cập nhật các kiến thức và quy định liên quan về quản trị công ty, tham gia các hội thảo liên quan theo nhu cầu của từng người.

## **2. Ban Kiểm soát**

### **2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát gồm 3 thành viên, danh sách thành viên Ban kiểm soát và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của từng thành viên như sau:

STT	Họ tên	Chức danh	Cổ phần sở hữu	
			Số lượng	Tỷ lệ
1	Đỗ Đức Lộc	Trưởng Ban kiểm soát	0	0%
2	Đinh Thị Lan Anh	Thành viên Ban kiểm soát	0	0%
3	Trần Thị Hòa	Thành viên Ban kiểm soát	0	0%

#### **a) Ông Đỗ Đức Lộc – Trưởng ban kiểm soát**

- Họ và tên: Đỗ Đức Lộc
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 02/04/1992
- Nơi sinh: Hà Nội

- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: Số nhà 349, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
- Số CMND: 012864823                      Ngày cấp: 22/06/2006                      Nơi cấp: CA Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính – Ngân hàng
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
01/2017 – 04/2018	Chuyên viên phân tích	Công ty cổ phần Chứng khoán Maritime
04/2018 – nay	Nhân viên kế toán	Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Yamato
11/2019 - nay	Trưởng Ban kiểm soát	Công ty cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Trưởng Ban kiểm soát
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Nhân viên kế toán Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Yamato
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Công ty đại chúng của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ:
  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;
  - Sở hữu của người có liên quan: không có.
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, quy chế lao động của Công ty

**b) Bà Trần Thị Hòa – Thành viên Ban kiểm soát**

- Họ và tên: Trần Thị Hòa
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 04/07/1988
- Nơi sinh: Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: Số nhà 3/17, Tứ Thông, Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương



- Số CMND: 030188003715 Ngày cấp: 27/04/2017
- Nơi cấp: Cục CS ĐKQL CT và DLQG về dân cư
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: cao đẳng Kế toán
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
06/2017 – nay	Nhân viên	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Everland
11/2019 - nay	Thành viên Ban kiểm soát	Công ty cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Nhân viên Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Everland
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Công ty đại chúng của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ:
  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;
  - Sở hữu của người có liên quan: không có.
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, quy chế lao động của Công ty

**c) Bà Đinh Thị Lan Anh – Thành viên Ban kiểm soát**

- Họ và tên: Đinh Thị Lan Anh
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 12/04/1990
- Nơi sinh: Yên Bái
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: phường Yên Ninh, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái
- Số CMND: 060887466 Ngày cấp: 28/03/2016 Nơi cấp: CA Yên Bái
- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
11/2013 – 07/2018	Nhân viên kế toán	Công ty cổ phần Hóa chất nhựa Hải Phòng
08/2018 - nay	Thành viên Ban kiểm soát	Công ty cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không có
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Công ty đại chúng của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ:
  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;
  - Sở hữu của người có liên quan: không có.
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, quy chế lao động của Công ty

## 2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát

*Cuộc họp của Ban kiểm soát:*

Cuộc họp của Ban kiểm soát trong năm 2021 như sau:

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Ông Đỗ Đức Lộc	02	100%	100%	
2	Bà Trần Thị Hòa	02	100%	100%	
3	Bà Đinh Thị Lan Anh	02	100%	100%	

*Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc:*

Ban kiểm soát tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị để giám sát việc thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều lệ và quy định pháp luật. Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ các Biên bản và Nghị quyết/Quyết định trong các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

Ban kiểm soát Giám sát các hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty; kiểm tra

tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác quản lý, điều hành.

*Kết quả giám sát:*

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã điều hành hoạt động Công ty theo đúng mục tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông đề ra. Hoạt động của Công ty tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và điều lệ, Công ty chấp hành tốt quy định về công bố thông tin đối với công ty chứng khoán.

### **3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát**

#### **a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích**

Lương, thưởng cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý được chi trả cho từng người theo vị trí, chức danh công việc gắn với mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo Quy chế lao động của Công ty.

Năm 2021, thu nhập của các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021 như sau:

**Bảng 13:** Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan năm 2021

*ĐVT: đồng*

	<b>Chức danh</b>	<b>Năm 2020</b>	<b>Năm 2021</b>
Ông Nguyễn Quang Anh	Tổng Giám đốc	1.063.168.490	1.360.395.323
Ông Trịnh Quang Huy	Chủ tịch HĐQT	57.917.284	826.306.109
Ông Luyện Quang Thắng	Thành viên HĐQT	401.500.868	565.100.410

*(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021 của Công ty)*

Cổ tức (nếu có) nhận được trong năm được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và được Công ty công bố thông tin theo quy định.

Thù lao cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Năm 2020, Đại hội đồng cổ đông thông qua không chi trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Chi tiết thù lao cho từng thành viên năm 2021 được Đại hội đồng cổ đông họp và thông qua tại cuộc họp thường niên năm 2022.

#### **b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan**

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan trong năm 2021 như sau:

**Bảng 14:** Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số dư cổ phiếu đầu kỳ		Số dư cổ phiếu cuối kỳ		Ghi chú
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	
Luyện Quang Thắng	Thành viên HĐQT	3.383.220	9,98%	300.000	0,88%	Chuyển nhượng
Hoàng Phương Hằng	Cổ đông lớn	3.383.220	9,98%	1.683.220	4,97%	Chuyển nhượng

(Nguồn: Công ty cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers)

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Chi tiết các giao dịch giữa Công ty với người nội bộ được Công ty công bố thông tin theo quy định và được nêu tại thuyết minh Báo cáo tài chính từng thời điểm. Năm 2021, các giao dịch giữa Công ty với người nội bộ theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021 được nêu tại mục 3.a nêu trên.

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về quản trị công ty, trong năm công ty thực hiện tốt các chế độ báo cáo, công bố thông tin theo quy định.

## VI. Báo cáo tài chính

### 1. Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính của công ty năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC. Theo ý kiến của kiểm toán viên, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần chứng khoán Stanley Brothers tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Đã được công bố tại website công ty: <https://sbsi.vn/>

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Nguyễn Quang Anh*



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS (SBSI)**

Tầng 9, tòa nhà TNR, 54A Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

(84) 2433776699

<https://sbsi.vn/>

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

(đã được kiểm toán)

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,  
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

---

## NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-41
Báo cáo tình hình tài chính	06-09
Báo cáo kết quả hoạt động	10-11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12-14
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	15
Thuyết minh Báo cáo tài chính	16-41



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,  
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers (tên cũ là Công ty Cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh số 83/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 01 năm 2008; Giấy phép số 30/UBCK-GP ngày 16/01/2009; Giấy phép số 357/UBCK-GP ngày 19/10/2010; Quyết định số 932/QĐ-UBCK ngày 16/11/2010; Giấy phép điều chỉnh số 15/GPĐC-UBCK ngày 05/04/2013; Giấy phép điều chỉnh số 11/GPĐC-UBCK ngày 29/03/2017; Giấy phép điều chỉnh số 29/GPĐC-UBCK ngày 19/07/2017; Giấy phép điều chỉnh số 79/GPĐC-UBCK ngày 02/10/2018; Giấy phép điều chỉnh số 108/GPĐC-UBCK ngày 27/12/2018; Giấy phép điều chỉnh số 08/GPĐC-UBCK ngày 31/01/2019; Giấy phép điều chỉnh số 35/GPĐC-UBCK ngày 12/06/2019 và Giấy phép điều chỉnh số 58/GPĐC-UBCK ngày 09/09/2020 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công bố.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trịnh Quang Huy	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quang Anh	Thành viên
Ông Luyện Quang Thắng	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Quang Anh	Tổng Giám đốc
----------------------	---------------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Đỗ Đức Lộc	Trưởng ban
Bà Đinh Thị Lan Anh	Ủy viên
Bà Trần Thị Hòa	Ủy viên

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,  
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Quang Anh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2022

Số: 150122.001/BCTC.KT2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers được lập ngày 15 tháng 01 năm 2022, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



---

**Vũ Xuân Biển**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

---

**Nguyễn Tuấn Anh**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-2018-002-1

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2022



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>404.873.882.869</b>	<b>348.011.116.136</b>
110	<b>I. Tài sản tài chính</b>		<b>404.529.943.815</b>	<b>347.537.981.965</b>
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	84.278.979.992	13.632.854.390
111.1	1.1 Tiền		84.278.979.992	13.632.854.390
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	5	40.000.000.000	-
114	3. Các khoản cho vay	5	246.337.714.076	90.001.474.854
115	4. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	5	2.608.422.577	241.510.381.056
117	5. Các khoản phải thu	6	24.686.282.469	202.057.200
117.1	5.1 Phải thu bán các tài sản tài chính		24.075.000.000	-
117.2	5.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		611.282.469	202.057.200
117.4	5.2.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		611.282.469	202.057.200
118	6. Trả trước cho người bán		5.264.646.573	1.692.411.585
119	7. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	6	1.353.178.024	498.442.828
122	8. Các khoản phải thu khác	6	720.104	360.052
130	<b>II. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>343.939.054</b>	<b>473.134.171</b>
131	1. Tạm ứng		39.152.000	-
132	2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	7	99.297.602	96.650.328
133	3. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	204.489.452	375.483.843
134	4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	9	1.000.000	1.000.000
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>24.049.819.754</b>	<b>28.729.242.578</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>17.942.651.647</b>	<b>22.866.539.707</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	8.902.315.496	12.019.099.688
222	- Nguyên giá		21.025.705.927	21.025.705.927
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(12.123.390.431)	(9.006.606.239)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	9.040.336.151	10.847.440.019
228	- Nguyên giá		16.998.810.520	15.820.810.520
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.958.474.369)	(4.973.370.501)
240	<b>IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	12	-	<b>500.000.000</b>
250	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>6.107.168.107</b>	<b>5.362.702.871</b>
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	9	820.109.106	820.109.106
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	8	369.265.343	1.822.274.330
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	13	4.917.793.658	2.720.319.435
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>428.923.702.623</b>	<b>376.740.358.714</b>

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>64.440.774.502</b>	<b>11.350.882.526</b>
310	<b>I. Nợ phải trả ngắn hạn</b>		<b>64.440.774.502</b>	<b>11.350.882.526</b>
311	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	40.000.000.000	-
312	1.1 Vay ngắn hạn		40.000.000.000	-
318	2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	15	2.252.624.953	1.032.391.176
320	3. Phải trả người bán ngắn hạn	16	90.566.770	305.923.887
321	4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		6.434.931.335	2.195.105.482
322	5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	13.609.840.884	6.760.774.098
323	6. Phải trả người lao động		1.251.610.256	721.978.030
325	7. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	801.200.304	148.948.441
329	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		-	185.761.412
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>364.482.928.121</b>	<b>365.389.476.188</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	20	<b>364.482.928.121</b>	<b>365.389.476.188</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		339.000.000.000	339.000.000.000
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		339.000.000.000	339.000.000.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		339.000.000.000	339.000.000.000
412	2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý		(1.359.000)	-
414	3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		1.903.909.023	649.372.459
415	4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		1.903.909.023	649.372.459
417	5. Lợi nhuận chưa phân phối		21.676.469.075	25.090.731.270
417.1	5.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		21.676.469.075	13.116.651.270
417.2	5.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		-	11.974.080.000
440	<b>TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>428.923.702.623</b>	<b>376.740.358.714</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
<b>A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>				
006	1. Cổ phiếu đang lưu hành		33.900.000	33.900.000
008	2. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán	21	10.000.000	10.616.000.000
012	3. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán	22	46.940.000.000	178.321.000.000
<b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>				
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	23	3.277.705.110.000	2.339.660.210.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		2.021.651.150.000	1.437.862.030.000
021.2	b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		16.468.960.000	155.050.000.000
021.3	c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		1.017.348.000.000	630.945.080.000
021.4	d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		90.000.000.000	90.000.000.000
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán		132.237.000.000	25.803.100.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	24	777.890.000	14.585.510.000
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		777.890.000	14.585.510.000

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
026	3. Tiền gửi của khách hàng	25	161.189.783.236	9.195.672.785
027	3.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		161.096.955.910	8.761.527.792
029	3.0 Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		5.687.326	433.384.993
029.1	a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước		2.222.391	433.384.993
029.2	b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư nước ngoài		3.464.935	-
030	3.1 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán		87.140.000	760.000
031	5. Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	26	161.102.643.236	9.194.912.785
031.1	5.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		160.965.229.130	9.101.944.538
031.2	5.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		137.414.106	92.968.247
032	6. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán		87.140.000	-
035	7. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		-	760.000



Nguyễn Thị Năm  
Người lập



Bùi Thị Việt Hà  
Kế toán trưởng




Nguyễn Quang Anh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2022

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020	
			VND	VND	
<b>I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>					
01	1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	29.551.709.685	16.995.396.214	
01.1	a.	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	28.a)	40.233.669.137	4.023.716.214
01.2	b.	Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	(11.974.080.000)	11.974.080.000	
01.3	c.	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	28.b)	1.292.120.548	997.600.000
03	1.2	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	28.b)	7.581.810.161	1.590.671.077
04	1.3	Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	28.b)	2.838.112.110	5.500.000.000
06	1.4	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		66.634.764.987	31.076.590.743
07	1.5	Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		78.155.898	74.940.381
09	1.6	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		1.741.529.512	1.074.677.652
10	1.7	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		5.925.552.729	6.569.818.184
11	1.8	Thu nhập hoạt động khác		90.909	-
20		<b>Cộng doanh thu hoạt động</b>	<b>114.351.725.991</b>	<b>62.882.094.251</b>	
<b>II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>					
21	2.1	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		39.009.669.875	2.612.149.136
21.1	a.	Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	28.a)	39.009.669.875	2.600.000.000
21.3	c.	Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL		-	12.149.136
26	2.2	Chi phí hoạt động tự doanh		170.719.056	51.109.704
27	2.3	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		28.595.897.024	14.703.775.217
29	2.4	Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		2.612.747.829	2.111.601.095
30	2.5	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		974.981.796	1.365.512.148
31	2.6	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính		1.558.532.154	2.726.724.534
40		<b>Cộng chi phí hoạt động</b>	<b>72.922.547.734</b>	<b>23.570.871.834</b>	
<b>III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		<b>29</b>			
42	3.1	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định		449.895.950	209.194.193
50		<b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>449.895.950</b>	<b>209.194.193</b>	
<b>IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>		<b>30</b>			
52	4.1	Chi phí lãi vay		721.232.877	-
60		<b>Cộng chi phí tài chính</b>	<b>721.232.877</b>	<b>-</b>	



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
62	VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	31	13.769.432.053	12.662.347.843
70	VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		27.388.409.277	26.858.068.767
	VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	8.1 Thu nhập khác		1.060.277	1.435.737.259
72	8.2 Chi phí khác	32	315.178.377	1.815.463.774
80	Cộng kết quả hoạt động khác		(314.118.100)	(379.726.515)
90	IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		27.074.291.177	26.478.342.252
91	9.1 Lợi nhuận đã thực hiện		39.048.371.177	14.504.262.252
92	1.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		(11.974.080.000)	11.974.080.000
100	X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	33	7.639.480.244	1.954.067.942
100.1	10.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33	7.639.480.244	1.954.067.942
200	XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		19.434.810.933	24.524.274.310
300	XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN			
301	12.1 Lỗ từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán		(1.359.000)	-
400	Tổng thu nhập toàn diện		(1.359.000)	-
500	XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG			
501	13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	34	573	723



Nguyễn Thị Năm  
Người lập



Bùi Thị Việt Hà  
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Anh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2022

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		27.074.291.177	26.478.342.252
02	2. Điều chỉnh cho các khoản		6.373.224.987	5.099.279.773
03	- Khấu hao tài sản cố định		6.101.888.060	5.280.054.966
06	- Chi phí lãi vay		721.232.877	-
07	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(449.895.950)	(180.775.193)
18	4. Tăng (giảm) các doanh thu phi tiền tệ		11.974.080.000	(11.974.080.000)
19	- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		11.974.080.000	(11.974.080.000)
30	5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		5.974.633.488	(20.686.982.099)
31	- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(40.000.000.000)	251.700.000.000
33	- Tăng (giảm) các khoản cho vay		(156.336.239.222)	(63.764.738.640)
34	- Tăng (giảm) tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS		226.926.519.479	(229.536.301.056)
35	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính		(19.978.174.147)	24.975.943.982
36	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		(409.225.269)	(180.432.808)
37	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		(711.735.196)	(394.126.637)
39	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác		(360.052)	310.287.449
40	- Tăng (giảm) các tài sản khác		(2.239.273.497)	(1.050.985.080)
41	- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		208.416.246	(1.005.218.300)
42	- Tăng (giảm) chi phí trả trước		1.624.003.378	(81.922.862)
43	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.789.067.942)	(2.451.301.120)
44	- Lãi vay đã trả		(277.397.260)	-
45	- Tăng, (giảm) phải trả cho người bán		(3.787.592.105)	(3.739.181.831)
47	- Tăng, (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN)		2.998.654.484	4.054.103.814
48	- Tăng, (giảm) phải trả người lao động		529.632.226	(509.749.974)
50	- Tăng, (giảm) phải trả, phải nộp khác		1.216.472.365	698.166.516
51	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	245.329.474.448
52	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(245.041.000.000)
60	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>51.396.229.652</b>	<b>(1.083.440.074)</b>
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
61	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(678.000.000)	(3.436.640.000)
62	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác		-	37.892.000
65	3. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		449.895.950	209.194.193
70	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(228.104.050)</b>	<b>(3.189.553.807)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
73	1. Tiền vay gốc		85.000.000.000	-
73.2	1.1 Tiền vay khác		85.000.000.000	-
74	2. Tiền chi trả nợ gốc vay		(45.000.000.000)	-
74.3	2.2 Tiền chi trả gốc nợ vay khác		(45.000.000.000)	-
76	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(20.522.000.000)	(8.632.000.000)
80	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>19.478.000.000</b>	<b>(8.632.000.000)</b>
90	<b>IV. Tăng (giảm) tiền thuần trong năm</b>		<b>70.646.125.602</b>	<b>(12.904.993.881)</b>
101	<b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>		<b>13.632.854.390</b>	<b>26.537.848.271</b>
101.1	- Tiền		13.632.854.390	26.537.848.271
103	<b>VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	4	<b>84.278.979.992</b>	<b>13.632.854.390</b>
103.1	- Tiền		84.278.979.992	13.632.854.390

**PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA  
KHÁCH HÀNG**

Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
	<b>I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng</b>			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		31.095.074.640.400	10.666.659.606.700
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(27.982.460.944.700)	(10.505.219.144.400)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		8.516.025.761.936	2.620.131.793.848
08	4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(11.474.903.057.673)	(2.786.373.429.048)
11	5. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(1.741.529.512)	(997.666.176)
14	6. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		56.725.259.521	53.012.010.461
15	7. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(56.726.019.521)	(53.011.250.461)
20	<b>Tăng/giảm tiền thuần trong năm</b>		<b>151.994.110.451</b>	<b>(5.798.079.076)</b>
30	<b>II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng</b>		<b>9.195.672.785</b>	<b>14.993.751.861</b>
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		9.195.672.785	14.993.751.861
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		8.761.527.792	14.454.291.537
34	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		433.384.993	539.460.324
35	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		760.000	-
40	<b>III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng</b>	25	<b>161.189.783.236</b>	<b>9.195.672.785</b>
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		161.189.783.236	9.195.672.785
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		161.096.955.910	8.761.527.792
44	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		5.687.326	433.384.993
45	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		87.140.000	760.000


Nguyễn Thị Năm  
Người lập

Bùi Thị Việt Hà  
Kế toán trưởng
  
 Nguyễn Quang Anh  
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2022

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Năm 2021

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		01/01/2020	01/01/2021	Năm 2020		Năm 2021		31/12/2020	31/12/2021
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		339.000.000.000	339.000.000.000	-	-	-	-	339.000.000.000	339.000.000.000
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		339.000.000.000	339.000.000.000	-	-	-	-	339.000.000.000	339.000.000.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		128.235.961	649.372.459	521.136.498	-	1.254.536.564	-	649.372.459	1.903.909.023
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		128.235.961	649.372.459	521.136.498	-	1.254.536.564	-	649.372.459	1.903.909.023
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị		-	-	-	-	-	1.359.000	-	(1.359.000)
5. Lợi nhuận chưa phân phối		10.422.729.956	25.090.731.270	24.524.274.310	9.856.272.996	31.408.890.933	34.823.153.128	25.090.731.270	21.676.469.075
5.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		10.422.729.956	13.116.651.270	12.550.194.310	9.856.272.996	31.408.890.933	22.849.073.128	13.116.651.270	21.676.469.075
5.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		-	11.974.080.000	11.974.080.000	-	-	11.974.080.000	11.974.080.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>349.679.201.878</b>	<b>365.389.476.188</b>	<b>25.566.547.306</b>	<b>9.856.272.996</b>	<b>33.917.964.061</b>	<b>34.824.512.128</b>	<b>365.389.476.188</b>	<b>364.482.928.121</b>
<b>II. Thu nhập toàn diện khác</b>									
1. Lỗ từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán		-	-	-	-	-	1.359.000	-	(1.359.000)
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.359.000</b>	<b>-</b>	<b>(1.359.000)</b>

Nguyễn Thị Năm  
Người lập

Bùi Thị Việt Hà  
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Anh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2022

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Năm 2021*

### **1 . THÔNG TIN CHUNG**

#### **1.1 . Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers (tên cũ là Công ty Cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh số 83/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 01 năm 2008; Giấy phép số 30/UBCK-GP ngày 16/01/2009; Giấy phép số 357/UBCK-GP ngày 19/10/2010; Quyết định số 932/QĐ-UBCK ngày 16/11/2010; Giấy phép điều chỉnh số 15/GPĐC-UBCK ngày 05/04/2013; Giấy phép điều chỉnh số 11/GPĐC-UBCK ngày 29/03/2017; Giấy phép điều chỉnh số 29/GPĐC-UBCK ngày 19/07/2017; Giấy phép điều chỉnh số 79/GPĐC-UBCK ngày 02/10/2018; Giấy phép điều chỉnh số 108/GPĐC-UBCK ngày 27/12/2018; Giấy phép điều chỉnh số 08/GPĐC-UBCK ngày 31/01/2019; Giấy phép điều chỉnh số 35/GPĐC-UBCK ngày 12/06/2019 và Giấy phép điều chỉnh số 58/GPĐC-UBCK ngày 09/09/2020 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công bố.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 339.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 339.000.000.000 đồng; tương đương 33.900.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 37 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 33 người).

#### **1.2 . Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán; Dịch vụ giao dịch ký quỹ chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán và các dịch vụ tài chính khác.

#### **1.3 . Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Trong năm, Công ty đã hoàn thành đầu tư vào cơ sở hạ tầng và mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh đồng thời đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh cơ bản, đặc biệt là dịch vụ môi giới và tự doanh dẫn tới doanh thu cũng như chi phí hoạt động năm nay tăng mạnh so với năm trước.

### **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

#### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## **2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ kế toán đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán (thay thế cho Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 06 năm 2000, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010); Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính, sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### *Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

## **2.3 . Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán.

Tiền gửi về bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán là số tiền sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán của Công ty và khách hàng tại ngày T+x theo yêu cầu của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), được mở tại Ngân hàng chỉ định để thanh toán mua, bán chứng khoán theo kết quả đã bù trừ thuần (net).

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

## **2.4 . Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

### *a) Ghi nhận ban đầu*

#### *Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản cho vay, các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) chỉ được xác định theo giá mua/chi phí phát hành.

#### *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*b) Nguyên tắc phân loại*

**Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL):** tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

**Các khoản cho vay:** là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, ngoại trừ: các khoản cho vay các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ; các công nợ tài chính phát sinh từ việc chuyển giao một tài sản tài chính không đủ điều kiện dùng ghi nhận hoặc khi phù hợp theo quy định về tiếp tục liên quan; các hợp đồng bảo lãnh tài chính.

**Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS):** là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Tài sản tài chính được Công ty đầu tư nhưng không có mục tiêu đầu tư ngắn hạn và kể cả mục tiêu dài hạn cũng chưa xác định được. Do vậy đây là loại tài sản tài chính hạn chế được phân loại trong hoạt động của Công ty.

*c) Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính*

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FTVPL và AFS theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại Điều lệ hoặc Sổ tay định giá của Công ty hoặc sau khi đã được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận bằng văn bản.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại AFS được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của Báo cáo tình hình tài chính tại chi tiêu "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý".



Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

## 2.5 . Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

**Phải thu bán các tài sản tài chính:** phản ánh toàn bộ giá trị phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua các Sở Giao dịch Chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này.

**Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính:** phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

**Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp:** phản ánh các khoản phải thu của Công ty với Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), với Nhà đầu tư là khách hàng của Công ty, với Tổ chức phát hành chứng khoán hoặc bảo lãnh phát hành chứng khoán, các khoản phải thu từ các hoạt động kinh doanh giao dịch chứng khoán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

**Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu:** được trích lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08/08/2019 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

## 2.6 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	02 - 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	02 - 03 năm
- Phần mềm giao dịch chứng khoán, phần mềm kế toán	03 - 10 năm

**2.7 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ một đến ba năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ một đến hai năm.

**2.8 . Các khoản nợ phải trả ngắn hạn**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**Các khoản vay:** phản ánh các khoản tiền vay tạm thời và tình hình trả nợ tiền vay của Công ty với Ngân hàng, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, Quỹ Hỗ trợ thanh toán hoặc các đối tượng cho vay khác theo quy định về hoạt động vay áp dụng đối với công ty chứng khoán.

**Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán:** phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả đại lý phát hành chứng khoán của Công ty.

**2.9 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.10 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối năm trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối năm trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty lũy kế phát sinh trong kỳ. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu kỳ này và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế đã thực hiện hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/10/2014 như sau:

<u>Quỹ</u>	<u>Mức trích từ lợi nhuận sau thuế</u>	<u>Mức trích tối đa</u>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự trữ bất buộc	5%	10% vốn điều lệ

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

## 2.11 . Doanh thu, thu nhập

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán*

Thu nhập bán các tài sản tài chính tự doanh FVTPL được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra. Thu nhập bán các tài sản tài chính là thu nhập đã thực hiện.

Thu nhập do đánh giá tăng các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý. Thu nhập đánh giá lại các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL là thu nhập chưa thực hiện.

Thu nhập phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh FVTPL, các khoản cho vay bao gồm: lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của Luật chứng khoán; cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu; lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định.

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty: FVTPL, AFS được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập.

**2.12 . Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty**

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

**2.13 . Doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính**

*Doanh thu tài chính bao gồm*

- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định;
- Doanh thu đầu tư khác;

*Chi phí hoạt động tài chính bao gồm*

- Chi phí lãi vay;

**2.14 . Các khoản thuế**

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021.

**2.15 . Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

**2.16 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS**Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,  
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

**2.17 . Thông tin bộ phận**

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

**3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM**

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm VND
<b>Của Công ty Chứng khoán</b>	<b>25.995.302</b>	<b>3.777.285.591.529</b>
- Cổ phiếu	23.256.600	488.127.920.000
- Trái phiếu	2.499.702	3.263.666.170.529
- Chứng khoán khác	239.000	25.491.501.000
<b>Của nhà đầu tư</b>	<b>1.532.982.295</b>	<b>58.750.642.665.100</b>
- Cổ phiếu	1.532.982.295	58.750.642.665.100
	<b>1.558.977.597</b>	<b>62.527.928.256.629</b>

**4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	21.369.059	14.504.599
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	84.257.610.933	13.618.349.791
	<b>84.278.979.992</b>	<b>13.632.854.390</b>

**5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH****a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Trái phiếu	40.000.000.000	40.000.000.000	-	-
	<b>40.000.000.000</b>	<b>40.000.000.000</b>	-	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Theo đó giá trị hợp lý được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS**Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,  
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

**b) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết (*)	-	-	49.476.800.000	61.450.880.000
Trái phiếu niêm yết (*)	106.659.000	105.300.000	-	-
Trái phiếu (**)	2.503.122.577	2.503.122.577	180.059.501.056	180.059.501.056
	<b>2.609.781.577</b>	<b>2.608.422.577</b>	<b>229.536.301.056</b>	<b>241.510.381.056</b>

(\*): Giá trị hợp lý của các cổ phiếu và trái phiếu niêm yết được xác định theo giá đóng cửa trên sàn HOSE tại ngày 31/12/2020 và 31/12/2021.

(\*\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Theo đó giá trị hợp lý được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.

**c) Các khoản cho vay**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Hoạt động margin	57.444.094.207	47.607.800.551
Hoạt động ứng trước tiền bán	188.893.619.869	42.393.674.303
	<b>246.337.714.076</b>	<b>90.001.474.854</b>

d) . Bảng tình hình biến động giá trị thị trường

	Giá mua		Giá thị trường		Chênh lệch đánh giá tăng		Chênh lệch đánh giá giảm		Giá trị đánh giá lại	
	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>FVTPL</b>	<b>40.000.000.000</b>	-	<b>40.000.000.000</b>	-	-	-	-	-	<b>40.000.000.000</b>	-
Trái phiếu	40.000.000.000	-	40.000.000.000	-	-	-	-	-	40.000.000.000	-
- Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (**)	40.000.000.000	-	40.000.000.000	-	-	-	-	-	40.000.000.000	-
<b>AFS</b>	<b>2.609.781.577</b>	<b>229.536.301.056</b>	<b>2.608.422.577</b>	<b>241.510.381.056</b>	-	<b>11.974.080.000</b>	<b>(1.359.000)</b>	-	<b>2.608.422.577</b>	<b>241.510.381.056</b>
Cổ phiếu niêm yết	-	49.476.800.000	-	61.450.880.000	-	11.974.080.000	-	-	-	61.450.880.000
- Sàn Hồ Chí Minh	-	49.476.800.000	-	61.450.880.000	-	11.974.080.000	-	-	-	61.450.880.000
APH	-	4.480.000.000	-	4.787.200.000	-	307.200.000	-	-	-	4.787.200.000
NHH	-	44.996.800.000	-	56.663.680.000	-	11.666.880.000	-	-	-	56.663.680.000
Trái phiếu	2.609.781.577	180.059.501.056	2.608.422.577	180.059.501.056	-	-	(1.359.000)	-	2.608.422.577	180.059.501.056
- Trái phiếu công ty Cổ phần An Phát Finance (**)	2.176.712.879	33.468.497.724	2.176.712.879	33.468.497.724	-	-	-	-	2.176.712.879	33.468.497.724
- Trái phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (**)	326.409.698	145.931.516.722	326.409.698	145.931.516.722	-	-	-	-	326.409.698	145.931.516.722
- Trái phiếu Công ty TNHH KCN kỹ thuật Cao An Phát (**)	-	659.486.610	-	659.486.610	-	-	-	-	-	659.486.610
- KBC121020 (*)	106.659.000	-	105.300.000	-	-	-	(1.359.000)	-	105.300.000	-
	<b>42.609.781.577</b>	<b>229.536.301.056</b>	<b>42.608.422.577</b>	<b>241.510.381.056</b>	-	<b>11.974.080.000</b>	<b>(1.359.000)</b>	-	<b>42.608.422.577</b>	<b>241.510.381.056</b>

(\*): Giá trị hợp lý của trái phiếu niêm yết được xác định theo giá đóng cửa trên sàn HNX tại ngày 31/12/2021.

(\*\*): Tại thời điểm 31/12/2021, Công ty không thu thập được báo giá của 03 công ty chứng khoán theo quy định tại Thông tư 146/2014/TT-BTC ngày 06/10/2014 để xác định giá trị thị trường của các trái phiếu chưa niêm yết, theo đó giá trị hợp lý được tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS**Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,  
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

**6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Các khoản phải thu bán các khoản đầu tư <sup>(*)</sup>	24.075.000.000	-
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	294.520.548	-
Phải thu lãi hoạt động Margin	30.029.752	149.826.149
Phải thu lãi hoạt động ứng trước tiền bán	286.732.169	52.231.051
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	1.353.178.024	498.442.828
- Phải thu phí môi giới chứng khoán	498.502.883	192.576.860
- Phải thu phí tư vấn tài chính	232.000.000	40.000.000
- Phải thu phí lưu ký của nhà đầu tư	622.675.141	265.865.968
Phải thu khác	720.104	360.052
- Phải thu khác	720.104	360.052
	<b><u>26.040.180.597</u></b>	<b><u>700.860.080</u></b>

(\*): Khoản phải thu Công ty cổ phần Golf Course Hải Dương liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng 450.000 cổ phần Công ty cổ phần Giải pháp và Dịch vụ phần mềm Nam Việt. Toàn bộ số tiền này đã được Công ty cổ phần Golf Course Hải Dương thanh toán ngày 11/01/2022.

**7 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	99.297.602	96.650.328
	<b><u>99.297.602</u></b>	<b><u>96.650.328</u></b>

**8 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC****a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	14.019.086	1.583.334
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	190.470.366	373.900.509
	<b><u>204.489.452</u></b>	<b><u>375.483.843</u></b>

**b) Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	148.132.508	296.033.845
Phí sử dụng thiết bị, quản lý	82.827.748	89.045.669
Chi phí sửa chữa văn phòng	138.305.087	1.371.800.878
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	65.393.938
	<b><u>369.265.343</u></b>	<b><u>1.822.274.330</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS**Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,  
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

**9 . CÀM CỐ, THẺ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỚC****a) Ngắn hạn**

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Đặt cọc bình nước Lavie	1.000.000	1.000.000
	<u><b>1.000.000</b></u>	<u><b>1.000.000</b></u>

**b) Dài hạn**

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Đặt cọc thẻ ra vào tòa nhà	3.050.000	3.050.000
Đặt cọc tiền thuê văn phòng mới tại tòa nhà TNR	817.059.106	817.059.106
	<u><b>820.109.106</b></u>	<u><b>820.109.106</b></u>

**10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<u>Máy móc, thiết bị</u>	<u>Thiết bị, dụng</u>	<u>Cộng</u>
	VND	cụ quản lý	VND
		VND	
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/01/2021	<u>20.836.711.936</u>	<u>188.993.991</u>	<u>21.025.705.927</u>
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<u><b>20.836.711.936</b></u>	<u><b>188.993.991</b></u>	<u><b>21.025.705.927</b></u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 01/01/2021	8.817.612.248	188.993.991	9.006.606.239
Khấu hao trong năm	<u>3.116.784.192</u>	-	<u>3.116.784.192</u>
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<u><b>11.934.396.440</b></u>	<u><b>188.993.991</b></u>	<u><b>12.123.390.431</b></u>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2021	<u>12.019.099.688</u>	-	<u>12.019.099.688</u>
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<u><b>8.902.315.496</b></u>	<u><b>-</b></u>	<u><b>8.902.315.496</b></u>

*Trong đó:*

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.345.566.927 đồng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm kế toán VND	Phần mềm giao dịch chứng khoán VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/01/2021	690.325.520	15.130.485.000	15.820.810.520
Mua trong năm	-	178.000.000	178.000.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	1.000.000.000	1.000.000.000
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b>690.325.520</b>	<b>16.308.485.000</b>	<b>16.998.810.520</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 01/01/2021	654.885.287	4.318.485.214	4.973.370.501
Khấu hao trong năm	51.442.260	2.933.661.608	2.985.103.868
Thanh lý, nhượng bán	(112.172.802)	112.172.802	-
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b>594.154.745</b>	<b>7.364.319.624</b>	<b>7.958.474.369</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2021	35.440.233	10.811.999.786	10.847.440.019
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b>96.170.775</b>	<b>8.944.165.376</b>	<b>9.040.336.151</b>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

12 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tại ngày 01/01	500.000.000	16.604.780.000
Tăng trong năm	500.000.000	727.330.000
Kết chuyển tăng tài sản cố định	(1.000.000.000)	(16.832.110.000)
<b>Tại ngày 31/12</b>	<b>-</b>	<b>500.000.000</b>
<b>Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:</b>		
	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Mua sắm tài sản cố định	-	500.000.000
Phần mềm chứng khoán	-	500.000.000
	<b>-</b>	<b>500.000.000</b>

13 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tiền nộp ban đầu	853.279.489	853.279.489
Tiền nộp bổ sung	3.515.713.954	1.580.125.760
Tiền lãi phân bổ trong năm	548.800.215	286.914.186
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>4.917.793.658</b>	<b>2.720.319.435</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS**Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,  
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

**14 . CÁC KHOẢN VAY**

	01/01/2021	Số vay trong năm	Số trả trong năm	31/12/2021
	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	-	<b>85.000.000.000</b>	<b>(45.000.000.000)</b>	<b>40.000.000.000</b>
Công ty Cổ phần An Tiến Industries	-	40.000.000.000	-	40.000.000.000
Vay các tổ chức khác	-	45.000.000.000	(45.000.000.000)	-
	-	<b>85.000.000.000</b>	<b>(45.000.000.000)</b>	<b>40.000.000.000</b>

**Chi tiết các khoản vay ngắn hạn**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty Cổ phần An Tiến Industries (*)	40.000.000.000	-
	<b>40.000.000.000</b>	-

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn**

(\*) Hợp đồng tín dụng số 1711/2021/HĐVV/HII-SBSI ngày 16/11/2021, với các điều khoản chi tiết như sau:

- + Công ty Cổ phần An Tiến Industries cho vay số tiền: 40.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Đầu tư và kinh doanh;
- + Thời hạn vay: 180 ngày;
- + Lãi suất cho vay: 9%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

**15 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	2.144.219.517	956.801.879
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	108.405.436	75.589.297
	<b>2.252.624.953</b>	<b>1.032.391.176</b>

**16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN****Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Cho Thuê Tài Sản TNL	39.639.833	41.133.035
Công ty Công nghệ thông tin VNPT	-	200.000.000
Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Viễn thông Quốc tế FPT	46.640.000	1.760.000
Phải trả các đối tượng khác	4.286.937	63.030.852
	<b>90.566.770</b>	<b>305.923.887</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS**Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,  
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

**18 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	39.492.171	143.200.124
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	4.439.480.244	589.067.942
Thuế Thu nhập cá nhân	9.130.868.469	6.028.506.032
	<b>13.609.840.884</b>	<b>6.760.774.098</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**19 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	443.835.617	-
Chi phí hoạt động công ty chứng khoán	137.364.687	78.948.441
Chi phí phải trả khác	220.000.000	70.000.000
	<b>801.200.304</b>	<b>148.948.441</b>

**20 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU****a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ	31/12/2021	Tỷ lệ	01/01/2021
	(%)	VND	(%)	VND
Bà Hoàng Phương Hằng	4,97%	16.832.200.000	9,98%	33.832.200.000
Ông Luyện Quang Thắng	0,88%	3.000.000.000	9,98%	33.832.200.000
Vốn góp của cổ đông khác (dưới 5%)	94,15%	319.167.800.000	80,04%	271.335.600.000
	<b>100%</b>	<b>339.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>339.000.000.000</b>

**b) Lợi nhuận chưa phân phối**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	21.676.469.075	13.116.651.270
Lợi nhuận chưa thực hiện	-	11.974.080.000
	<b>21.676.469.075</b>	<b>25.090.731.270</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS**

Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,  
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

**c) Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước	13.116.651.270	10.422.729.956
Lãi chưa thực hiện tính đến cuối năm tài chính	-	11.974.080.000
Lãi đã thực hiện năm nay tính từ đầu năm	31.408.890.933	12.550.194.310
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối năm tài chính	44.525.542.203	22.972.924.266
Số trích các quỹ từ lợi nhuận	(2.509.073.128)	(1.042.272.996)
- Quỹ dự trữ điều lệ	(1.254.536.564)	(521.136.498)
- Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	(1.254.536.564)	(521.136.498)
Số lãi phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn năm nay	(20.340.000.000)	(8.814.000.000)
<b>Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối tính đến cuối năm tài chính</b>	<b>21.676.469.075</b>	<b>13.116.651.270</b>

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 05 năm 2021, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	(%)	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp lũy kế đến 31/12/2020	100,00%	25.090.731.270
Trích Quỹ dự trữ điều lệ	5,00%	1.254.536.564
Trích Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5,00%	1.254.536.564
Chi trả cổ tức (bằng 6% vốn điều lệ)	81,07%	20.340.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	8,93%	2.241.658.142

**d) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	339.000.000.000	339.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	339.000.000.000	339.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	339.000.000.000	339.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(20.340.000.000)	(8.814.000.000)
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(20.340.000.000)	(8.814.000.000)

**e) Cổ phiếu**

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	33.900.000	33.900.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	33.900.000	33.900.000
- Cổ phiếu phổ thông	33.900.000	33.900.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	33.900.000	33.900.000
- Cổ phiếu phổ thông	33.900.000	33.900.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS**

Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,  
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

**21 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	10.000.000	10.616.000.000
	<b>10.000.000</b>	<b>10.616.000.000</b>

**22 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty	46.940.000.000	178.321.000.000
	<b>46.940.000.000</b>	<b>178.321.000.000</b>

**23 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	2.021.651.150.000	1.437.862.030.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	16.468.960.000	155.050.000.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	1.017.348.000.000	630.945.080.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	90.000.000.000	90.000.000.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	132.237.000.000	25.803.100.000
	<b>3.277.705.110.000</b>	<b>2.339.660.210.000</b>

**24 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	777.890.000	14.585.510.000
	<b>777.890.000</b>	<b>14.585.510.000</b>

**25 . TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	161.096.955.910	8.761.527.792
1. Nhà đầu tư trong nước	160.963.006.739	8.668.559.545
2. Nhà đầu tư nước ngoài	133.949.171	92.968.247
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	5.687.326	433.384.993
1. Nhà đầu tư trong nước	2.222.391	433.384.993
2. Nhà đầu tư nước ngoài	3.464.935	-
Tiền gửi của tổ chức phát hành	87.140.000	760.000
1. Tiền gửi bán chứng khoán bảo lãnh đại lý phát hành	87.140.000	-
2. Tiền gửi thanh toán cổ tức của tổ chức phát hành	-	760.000
	<b>161.189.783.236</b>	<b>9.195.672.785</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS**Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,  
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

**26 . PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</b>	<b>161.096.955.910</b>	<b>8.761.527.792</b>
1.1 Nhà đầu tư trong nước	160.963.006.739	8.668.559.545
1.2 Nhà đầu tư nước ngoài	133.949.171	92.968.247
<b>2. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư</b>	<b>5.687.326</b>	<b>433.384.993</b>
2.1 Nhà đầu tư trong nước	2.222.391	433.384.993
2.2 Nhà đầu tư nước ngoài	3.464.935	-
	<b><u>161.102.643.236</u></b>	<b><u>9.194.912.785</u></b>

**27 . PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>1. Phải trả nghiệp vụ margin</b>	<b>57.474.123.959</b>	<b>47.757.626.700</b>
1.1 Phải trả gốc margin	57.444.094.207	47.607.800.551
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>57.444.094.207</i>	<i>47.607.800.551</i>
1.2 Phải trả lãi margin	30.029.752	149.826.149
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>30.029.752</i>	<i>149.826.149</i>
<b>2. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán</b>	<b>189.180.352.038</b>	<b>42.445.905.354</b>
2.1 Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	188.893.619.869	42.393.674.303
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>188.893.619.869</i>	<i>42.393.674.303</i>
2.2 Phải trả lãi nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	286.732.169	52.231.051
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>286.732.169</i>	<i>52.231.051</i>
	<b><u>246.654.475.997</u></b>	<b><u>90.203.532.054</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS**

Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

**28 . THU NHẬP****a) Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính**

	Số lượng bán	Tổng giá trị bán VND	Tổng giá vốn VND	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm nay		Lãi, lỗ bán chứng khoán năm trước	
				Lãi	Lỗ	Lãi	Lỗ
				VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	7.127.100	190.789.870.000	197.724.860.000	17.108.870.000	24.043.860.000	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	5.650.000	74.575.000.000	75.250.000.000	10.575.000.000	8.650.000.000	-	2.600.000.000
Trái phiếu niêm yết	119.000	16.289.910.000	12.692.421.000	3.597.489.000	-	-	-
Trái phiếu chưa niêm yết	1.064.698	1.703.247.774.766	1.700.611.274.504	8.952.310.137	6.315.809.875	4.023.716.214	-
		<b>1.984.902.554.766</b>	<b>1.986.278.555.504</b>	<b>40.233.669.137</b>	<b>39.009.669.875</b>	<b>4.023.716.214</b>	<b>2.600.000.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS**Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,  
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

<b>b) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM, AFS</b>		
	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	1.292.120.548	997.600.000
Từ các khoản cho vay	7.581.810.161	1.590.671.077
Từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	2.838.112.110	5.500.000.000
	<b>11.712.042.819</b>	<b>8.088.271.077</b>
<b>29 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu lãi liền gửi không kỳ hạn	449.895.950	209.194.193
	<b>449.895.950</b>	<b>209.194.193</b>
<b>30 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>		
	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí lãi vay	721.232.877	-
	<b>721.232.877</b>	-
<b>31 . CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>		
	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	5.374.497.703	4.834.491.333
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	201.345.746	226.445.620
Chi phí vật tư văn phòng	-	2.500.000
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.173.528.629	1.421.573.967
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	191.866.260	184.823.005
Chi phí thuế, phí và lệ phí	566.211.774	911.811.259
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.080.925.834	4.918.444.556
Chi phí khác	1.181.056.107	162.258.103
	<b>13.769.432.053</b>	<b>12.662.347.843</b>
<b>32 . CHI PHÍ KHÁC</b>		
	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	28.419.000
Các khoản bị phạt	516.629	37.404.165
Tiền phạt đặt cọc thuê văn phòng TNL	-	288.424.448
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ thanh lý	168.548.333	68.407.633
Lãi phạt đặt cọc mua bán Trái phiếu	-	1.267.671.232
Tiền thuê văn phòng	88.885.000	-
Các khoản khác	57.228.415	125.137.296
	<b>315.178.377</b>	<b>1.815.463.774</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS**Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,  
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

**33 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	27.074.291.177	26.478.342.252
Các khoản điều chỉnh tăng	12.120.710.044	450.965.909
- Chi phí không hợp lệ	146.630.044	450.965.909
- Hoàn nhập chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	11.974.080.000	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(997.600.000)	(12.971.680.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(997.600.000)	(997.600.000)
- Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	-	(11.974.080.000)
Thu nhập chịu thuế TNDN	38.197.401.221	13.957.628.161
Thuế suất thuế TNDN năm nay	20%	20%
Chi phí thuế TNDN năm nay	7.639.480.244	2.791.525.632
Miễn giảm 30% thuế TNDN theo quyết định 116/2020/QH14	-	837.457.690
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b><u>7.639.480.244</u></b>	<b><u>1.954.067.942</u></b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	589.067.942	1.086.301.120
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(3.789.067.942)	(2.451.301.120)
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm</b>	<b><u>4.439.480.244</u></b>	<b><u>589.067.942</u></b>

**34 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	19.434.810.933	24.524.274.310
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	19.434.810.933	24.524.274.310
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	33.900.000	33.900.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>573</u></b>	<b><u>723</u></b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS**Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,  
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

**35 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc/ Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc/ Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	84.278.979.992	-	13.632.854.390	-
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	40.000.000.000	-	-	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	2.608.422.577	-	241.510.381.056	-
Các khoản cho vay	246.337.714.076	-	90.001.474.854	-
Các khoản phải thu	26.040.180.597	-	700.860.080	-
	<b>399.265.297.242</b>	<b>-</b>	<b>345.845.570.380</b>	<b>-</b>
			31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
Vay và nợ			40.000.000.000	-
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác			2.343.191.723	1.524.076.475
Chi phí phải trả			801.200.304	148.948.441
			<b>43.144.392.027</b>	<b>1.673.024.916</b>

Theo quy định tại Thông tư 210/2009/TT-BTC, Thông tư 146/2014/TT-BTC, và Thông tư 334/2016/TT-BTC, tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS**

Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,  
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	40.000.000.000	-	-	40.000.000.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	2.608.422.577	-	-	2.608.422.577
	<u>42.608.422.577</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>42.608.422.577</u>
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>				
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	241.510.381.056	-	-	241.510.381.056
	<u>241.510.381.056</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>241.510.381.056</u>

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	84.278.979.992	-	-	84.278.979.992
Các khoản cho vay	246.337.714.076	-	-	246.337.714.076
Các khoản phải thu	26.040.180.597	-	-	26.040.180.597
	<u>356.656.874.665</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>356.656.874.665</u>
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.632.854.390	-	-	13.632.854.390
Các khoản cho vay	90.001.474.854	-	-	90.001.474.854
Các khoản phải thu	700.860.080	-	-	700.860.080
	<u>104.335.189.324</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>104.335.189.324</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS**Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,  
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>				
Vay và nợ	40.000.000.000	-	-	40.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	2.343.191.723	-	-	2.343.191.723
Chi phí phải trả	801.200.304	-	-	801.200.304
	<u>43.144.392.027</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>43.144.392.027</u>
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	1.524.076.475	-	-	1.524.076.475
Chi phí phải trả	148.948.441	-	-	148.948.441
	<u>1.673.024.916</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>1.673.024.916</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**36 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS**Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,  
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

**37 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động môi giới, lưu ký chứng khoán VND	Hoạt động đầu tư tự doanh VND	Hoạt động kinh doanh nguồn vốn và dịch vụ khách hàng VND	Các hoạt động khác VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu hoạt động	68.376.294.499	32.389.821.795	7.581.810.161	6.003.799.536	114.351.725.991
Chi phí hoạt động	29.570.878.820	39.180.388.931	-	4.171.279.983	72.922.547.734
Doanh thu không phân bổ	-	-	-	-	449.895.950
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	14.490.664.930
<b>Kết quả hoạt động</b>	<b>38.805.415.679</b>	<b>(6.790.567.136)</b>	<b>7.581.810.161</b>	<b>1.832.519.553</b>	<b>27.388.409.277</b>
Tài sản bộ phận trực tiếp	678.000.000	-	-	-	678.000.000
Tài sản không phân bổ	6.038.971.682	48.167.589.698	246.654.475.997	233.440.208	301.094.477.585
Tài sản không phân bổ					127.829.225.038
<b>Tổng tài sản</b>	<b>6.038.971.682</b>	<b>48.167.589.698</b>	<b>246.654.475.997</b>	<b>233.440.208</b>	<b>428.923.702.623</b>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	2.252.624.953	6.139.931.335	-	-	8.392.556.288
Nợ phải trả không phân bổ					56.048.218.214
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>2.252.624.953</b>	<b>6.139.931.335</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>64.440.774.502</b>

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam do vậy Công ty không thực hiện lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS**Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,  
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

**38 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Thu nhập của các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị như sau:

	<u>Chức danh</u>	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
		VND	VND
Ông Nguyễn Quang Anh	Tổng Giám đốc	1.360.395.323	1.063.168.490
Ông Trịnh Quang Huy	Chủ tịch HĐQT	826.306.109	57.917.284
Ông Luyện Quang Thắng	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc khối IB	565.100.410	401.500.868

**39 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Nguyễn Thị Năm  
Người lậpBùi Thị Việt Hà  
Kế toán trưởngNguyễn Quang Anh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2022

